

**CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**Đề tài:**

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN  
THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH  
THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV  
TRƯỜNG PHÚC**

**Sinh viên thực hiện: Nguyễn Ánh Sáng**

## ***Lời cảm ơn***

*Chuyên đề tốt nghiệp này là kết quả của một thời gian học và nghiên cứu tại trường Cao đẳng Công Nghệ và Kinh Tế Công Nghiệp dưới sự truyền đạt những kiến thức Cô giáo, Thầy giáo trong trường, phòng kế toán của Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc'' đã tạo điều kiện cho tôi được thực tập tiếp xúc với thực tế công tác kế toán tại công ty để thực hiện và hoàn thành chuyên đề'' **“Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc”**. Do hạn chế về năng lực, trình độ nên đề tài của tôi cũng không tránh khỏi những thiếu sót về cách trình bày, rất mong được sự góp ý của Cô và các Anh chị trong công ty để bài chuyên đề của tôi được hoàn thiện hơn.*

*Qua đây tôi cũng xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến cô Quý Thầy Cô đặc biệt là **Cô Thạc sỹ Hoàng Vân Ngọc** là người trực tiếp hướng dẫn và truyền đạt cho tôi trong suốt thời gian thực tập để tôi hoàn thành tốt chuyên đề này.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn các anh chị phòng kế toán của Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc đã tận tình giúp đỡ, truyền đạt những kiến thức về thực tế và cung cấp những thông tin trong thời gian tôi thực tập tại công ty.*

*Xin cảm ơn chân thành người thân trong gia đình và bạn bè đã nhiệt tình động viên tôi trong thời gian qua.*

*Huế, ngày ..... tháng .... năm 2015*  
*Người thực hiện*

**Nguyễn Ánh Sáng**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
MỤC LỤC .....	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....	8
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ .....	9
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU .....	10
<b>Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ .....</b>	<b>11</b>
1.1. Lý do chọn đề tài .....	11
1.2. Mục tiêu của đề tài .....	12
1.3. Đối tượng nghiên cứu .....	12
1.4. Phương pháp nghiên cứu .....	12
1.5. Phạm vi nghiên cứu .....	13
1.6. Cấu trúc khóa luận.....	13
<b>Phần II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>14</b>
<b>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU .....</b>	<b>14</b>
1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ..	14
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản .....	14
1.1.2. Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh .....	15
1.1.3. Ý nghĩa của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh .....	16
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh .....	17
1.2. Kế toán doanh thu.....	17
1.2.1. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu .....	17
1.2.2. Phương pháp kế toán doanh thu.....	18
1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	19
1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	20
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán .....	20
1.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	21
1.3.2.1. Chi phí bán hàng .....	21
1.3.2.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp .....	22

1.3.3.1. Kế toán doanh thu tài chính .....	24
1.3.3.2. Kế toán chi phí tài chính.....	25
1.3.4. Kế toán hoạt động khác .....	25
1.3.4.1. Kế toán thu nhập khác .....	25
1.3.4.2. Kế toán chi phí khác .....	26
1.3.5. Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp .....	27
1.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG PHÚC.....</b>	<b>30</b>
2.1. Khái quát về Công ty TNHH MTV Trường Phúc .....	31
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển .....	31
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty .....	31
2.1.2.1. Chức năng .....	31
2.1.2.2. Nhiệm vụ.....	32
2.1.3. Phương hướng kinh doanh và những thuận lợi, khó khăn của công ty .....	32
2.1.3.1. Phương hướng kinh doanh.....	32
2.1.3.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty.....	32
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý .....	33
2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý .....	33
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận .....	34
2.1.5. Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty .....	36
2.1.5.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty .....	36
2.1.5.2. Tình hình kết quả kinh doanh của công ty.....	39
2.1.6. Tổ chức công tác kế toán.....	32
2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	32
2.1.6.2. Đặc điểm hình thức kế toán .....	33
2.1.6.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản .....	34
2.1.6.4. Tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo.....	35
2.1.6.5. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty.....	35

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc .....	35
2.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh .....	35
2.2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	35
2.2.1.2. Phương thức tiêu thụ .....	36
2.2.1.3. Phương thức thanh toán tại công ty.....	36
2.2.2. Kế toán doanh thu tại công ty .....	36
2.2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty .....	36
2.2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	43
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán .....	43
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	46
2.2.5. Kế toán hoạt động tài chính.....	51
2.2.6. Kế toán hoạt động khác.....	51
2.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....	54
2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	55
<b>Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG PHÚC .....</b>	<b>58</b>
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty .....	58
3.2. Đánh giá về tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	58
3.2.1. Về tổ chức chứng từ.....	59
3.2.2. Về tổ chức tài khoản.....	59
3.2.3. Về tổ chức sổ sách, báo cáo kế toán .....	59
3.2.4. Về quy trình và phương pháp kế toán.....	60
3.3. Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác ssính kinh doanh tại công ty .....	62
<b>Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>64</b>
3.1. Kết luận.....	64
3.2. Kiến nghị.....	64

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

BHTN:	Bảo hiểm thất nghiệp
BHYT:	Bảo hiểm y tế
BHXH:	Bảo hiểm xã hội
CCDC:	Công cụ dụng cụ
Ctiết:	Chi tiết
Cty:	Công ty
ĐDH:	Đơn đặt hàng
GTGT:	Giá trị gia tăng
HĐ:	Hóa đơn
HTCMKTVN:	Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
HTK:	Hàng tồn kho
NH TMCP:	Ngân hàng thương mại cổ phần
NPT:	Nợ phải trả
K/C:	Kết chuyển
KHTSCĐ:	Khấu hao tài sản cố định
KPCĐ:	Kinh phí công đoàn
KQKD:	Kết quả kinh doanh
QC & TT NNT:	Quảng cáo và trang trí nội ngoại thất
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
TK:	Tài khoản
TNDN:	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ:	Tài sản cố định
TSDH:	Tài sản dài hạn
TSNH:	Tài sản ngắn hạn
TTĐB:	Tiêu thụ đặc biệt
UNC:	Ủy nhiệm chi
VCSH:	Vốn chủ sở hữu
XK:	Xuất khẩu



## **DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	8
Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	10
Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán .....	11
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	12
Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu tài chính .....	13
Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí tài chính .....	14
Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác .....	15
Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác .....	16
Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành .....	17
Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại .....	18
Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	20
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy toàn công ty .....	24
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty .....	29
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy tại công ty .....	22
Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty .....	39
Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty .....	44
Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty .....	47

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty .....	27
Bảng 2.2: Tình hình kết quả kinh doanh của công ty .....	28
Biểu mẫu 2.1: Bảng dự toán .....	38
Biểu mẫu 2.2: Chứng từ ghi sổ số 06 .....	40
Biểu mẫu 2.3: Sổ chi tiết TK 511 .....	41
Biểu mẫu 2.4: Sổ Cái TK 511 .....	42
Biểu mẫu 2.5: Sổ Cái TK 632 .....	44
Biểu mẫu 2.6: Phiếu chi .....	44
Biểu mẫu 2.7: Chứng từ ghi sổ số 02 .....	48
Biểu mẫu 2.8: Sổ chi tiết TK 6421 .....	49
Biểu mẫu 2.9: Sổ chi tiết TK 6422 .....	50
Biểu mẫu 2.10: Sổ Cái TK 6422 .....	50
Biểu mẫu 1.11: Chứng từ ghi sổ số 07 .....	52
Biểu mẫu 2.12: Sổ chi tiết TK 711 .....	53
Biểu mẫu 2.13: Sổ cái TK 711 .....	53
Biểu mẫu 2.14: Sổ Cái TK 821 .....	55
Biểu mẫu 2.16: Sổ chi tiết TK 911 .....	57
Biểu mẫu 2.17: Sổ Cái TK 911 .....	57

## **Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1.1. Lý do chọn đề tài**

Việt Nam sau gần 5 năm gia nhập WTO – tổ chức thương mại thế giới, nền kinh tế đã có nhiều thay đổi. Có giai đoạn phát triển, tăng trưởng nhanh nhưng cũng có những giai đoạn khủng hoảng, suy thoái vào năm 2008 - 2009. Nền kinh tế Việt Nam hòa nhập và phát triển cùng nền kinh tế thế giới, đi cùng với nó là càng nhiều cơ hội cũng như thách thức cho nền kinh tế nước ta. Điều này đòi hỏi nền kinh tế nước ta phải đứng vững và luôn trong tư thế chủ động để sẵn sàng đương đầu với mọi thử thách cũng như nắm bắt kịp thời những cơ hội.

Các doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế thị trường luôn chịu sự ảnh hưởng khốc liệt không chỉ ở trong lĩnh vực, trong ngành mà còn cạnh tranh giữa các ngành khác nhau về thị phần, khách hàng, lợi nhuận,... Để tạo ra nguồn thu cho doanh nghiệp có rất nhiều hoạt động, trong đó đáng chú ý nhất là hoạt động bán hàng. Nếu sản phẩm tiêu thụ nhanh và nhiều thì không những bù đắp được chi phí bỏ ra, đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn mà còn đem lại lợi nhuận nhiều cho doanh nghiệp.

Để nắm bắt được thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp các nhà quản lý phải có những công cụ để đánh giá và làm cơ sở để ra các quyết định. Chính vì vậy, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh giữ một vai trò quan trọng, là một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống các công cụ quản lý của doanh nghiệp. Việc tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý, phản ánh số liệu vào sổ sách kế toán chính xác và kịp thời sẽ giúp cho các nhà quản lý có đủ cơ sở để có những nhận định chính xác về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề ra các chính sách, chiến lược kịp thời, đúng đắn.

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, Công ty TNHH MTV Trường Phúc đã và đang nỗ lực không ngừng để phát triển và mở rộng quy mô cũng như thị trường kinh doanh. Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quảng cáo và trang trí, đây là lĩnh vực mà hiện nay nhu cầu giới thiệu, quảng bá thương hiệu của các đơn vị, doanh nghiệp rất lớn. Để nâng cao hiệu quả cũng như uy tín của mình trên thị

trường, Công ty đã có những chính sách phát triển phù hợp cho từng giai đoạn phát triển, cũng như môi trường kinh doanh.

Khi tôi tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, tôi thấy công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty có một số vấn đề trong việc thực hiện không theo quy định và chế độ kế toán hiện hành. Vì vậy, tôi đã chọn nghiên cứu đề tài **“Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc”**.

## **1.2. Mục tiêu của đề tài**

Đề tài này được thực hiện nhằm đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

- Tổng hợp và hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Trường Phúc.
- Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu trong công tác kế toán chung và công tác kế toán doanh thu và xác định KQKD tại công ty. Từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc.

## **1.3. Đối tượng nghiên cứu**

Đề tài này tập trung nghiên cứu tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của TNHH MTV Trường Phúc.

## **1.4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện đề tài này, tôi đã sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: tìm hiểu sách báo, giáo trình, trang web điện tử, ... những thông tin có liên quan tới đề tài nghiên cứu.
- Phương pháp phỏng vấn: hỏi trực tiếp những nhân viên phòng kế toán của Công ty để giải đáp những thắc mắc và hiểu rõ hơn về công tác kế toán tại công ty.
- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: là thu thập số liệu thô của công ty, sau đó được xử lý và chọn lọc đưa vào khóa luận.

- Phương pháp kế toán: bao gồm các phương pháp như phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản và ghi đối ứng, phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán,... phương pháp này được sử dụng để phân tích cụ thể kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

- Và một số phương pháp nghiên cứu khác.

### **1.5. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung:

Do giới hạn về thời gian và không gian thực tập nên khóa luận chỉ nghiên cứu công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc.

- Về không gian:

Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc

- Về thời gian:

Số liệu thực hiện tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc cho năm tài chính 2010.

### **1.6. Cấu trúc khóa luận**

Nội dung khóa luận bao gồm các phần:

Phần I – Phần đặt vấn đề

Phần II – Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Trường Phúc

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Trường Phúc.

Phần III – Kết luận và kiến nghị

## **Phần II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

#### **1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**

##### **1.1.1. Một số khái niệm cơ bản**

- Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc quá trình sản xuất, chế biến do sản xuất chính, sản xuất phụ của doanh nghiệp làm ra hoặc thuê gia công đã được kiểm nghiệm đủ tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật có thể nhập kho hoặc giao ngay cho khách hàng.

- Tiêu thụ sản phẩm là khâu cuối cùng của quá trình luân chuyển hàng hóa, trực tiếp thực hiện chức năng lưu thông phục vụ sản xuất và đời sống xã hội. Đó là việc cung cấp cho khách hàng các loại sản phẩm do sản xuất ra (doanh nghiệp sản xuất) hoặc các loại hàng hóa dịch vụ (doanh nghiệp thương mại dịch vụ) đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

- Theo chuẩn mực 14 – doanh thu và thu nhập khác, HTCMKTVN, Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại.

- Theo chuẩn mực kế toán 01 - Chuẩn mực chung, HTCMKTVN, Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

+ Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh

dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

+ Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng,..

- Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp và nó phụ thuộc vào quy mô, chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Có thể nói đây là chỉ tiêu kế toán tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trong doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác; tương ứng với 3 hoạt động trên là kết quả hoạt động SXKD, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác.

- Lợi nhuận sau thuế là chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán trước thuế với chi phí thuế TNDN.

### ***1.1.2. Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh***

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định và được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là tổng doanh thu và thu nhập với một bên là tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện. Nếu doanh thu và thu nhập các hoạt động lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại thì doanh nghiệp bị lỗ.

1. Doanh thu thuần = Tổng doanh thu – Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong đó: Các khoản giảm trừ doanh thu = Chi phí chiết khấu thương mại + Giảm giá hàng bán + Hàng bán bị trả lại + Thuế TTĐB và thuế XK.

2. Tổng chi phí giá vốn = Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp + Chi phí nhân công trực tiếp + Chi phí sản xuất chung.

Đối với doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì giá vốn hàng bán là tổng giá mua hàng hóa cộng với chi phí thu mua phân bổ.

3. Lợi nhuận gộp = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán

4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD = Lợi nhuận gộp + Doanh thu hoạt động tài chính – (Chi phí tài chính + chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp).

5. Tổng lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD + Lợi nhuận khác

6. Thuế TNDN phải nộp = Tổng thu nhập chịu thuế \* Thuế suất thuế TNDN

7. Lợi nhuận sau thuế = Tổng lợi nhuận trước thuế – Thuế TNDN phải nộp.

### ***1.1.3. Ý nghĩa của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh***

Hoạt động tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh mang ý nghĩa rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những điều kiện để đạt được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận và giải quyết các mối quan hệ kinh tế, tài chính, xã hội của doanh nghiệp.

Việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ còn góp phần nâng cao năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện kết quả của quá trình kinh doanh, giúp doanh nghiệp tìm chỗ đứng trên thị trường và mở rộng thị trường. Việc xác định kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để xác định các khoản nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, thông qua quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp có thể nắm bắt được nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng để từ đó có những chiến lược kinh doanh hợp lý, có những biện pháp tích cực để nâng cao kết quả kinh doanh của doanh nghiệp thông qua tăng chỉ tiêu doanh thu.

Với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, hoạt động tiêu thụ góp phần khuyến khích tiêu dùng, phân phối lại thu nhập, điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá cả thị trường, ...



Kết quả tiêu thụ của mỗi doanh nghiệp là biểu hiện cho sự tăng trưởng kinh tế, là nhân tố tích cực tạo nên bộ mặt nền kinh tế quốc dân.

#### **1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh**

Nhiệm vụ quan trọng của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cung cấp một cách kịp thời, chính xác cho nhà quản lý và những người quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp thông tin về kết quả hoạt động SXKD, lợi nhuận đạt được của doanh nghiệp. Từ đó giúp nhà quản lý đưa ra những phương án hành động tối ưu cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Nhiệm vụ cụ thể của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là:

- Phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; kiểm tra, đôn đốc đảm bảo thu đủ, thu nhanh tiền bán hàng, tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp pháp.

- Phản ánh chính xác, đầy đủ, trung thực các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ nhằm xác định kết quả kinh doanh trong kỳ đó chính xác.

- Phản ánh và giám đốc tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như mức bán ra, lãi thuần của từng loại sản phẩm, dịch vụ cũng như toàn bộ lợi nhuận về bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- Cung cấp đầy đủ số liệu, lập quyết toán kịp thời, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

### **1.2. Kế toán doanh thu**

#### **1.2.1. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 – Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan tới bán hàng.

**1.2.2. Phương pháp kế toán doanh thu**

a, Tài khoản sử dụng

Để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ, kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết cấu tài khoản 511

**Bên Nợ:** - Số thuế TTĐB, thuế XNK và thuế GTGT (tính theo phương pháp trực tiếp) tính trên số doanh số bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong kỳ.

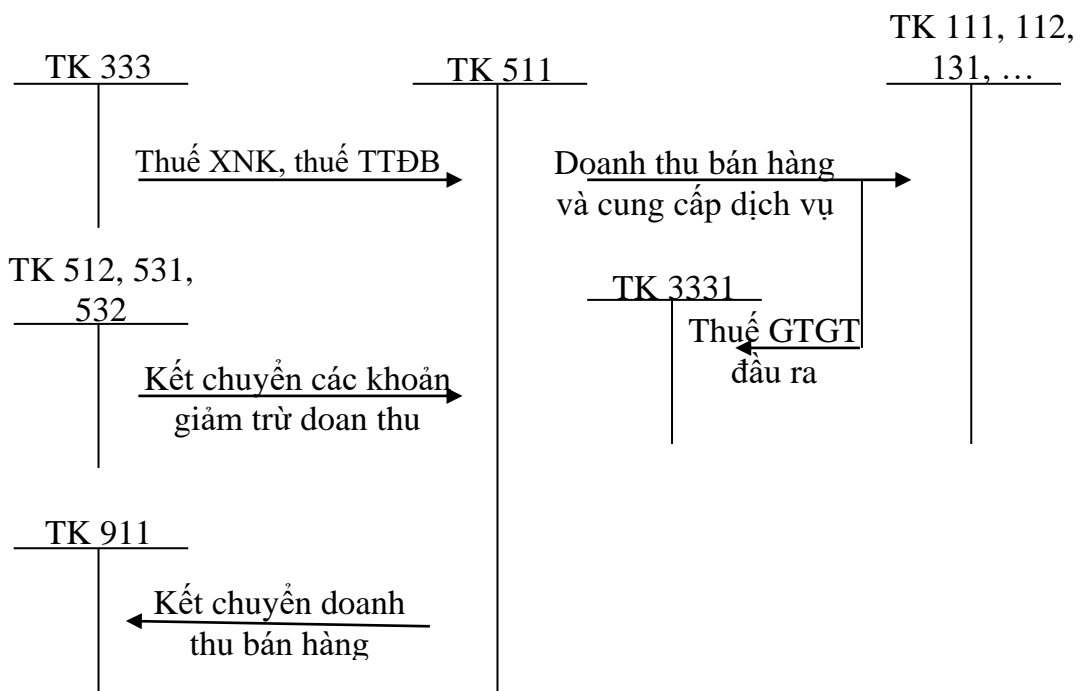
- Các khoản giảm trừ doanh thu: hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911

**Bên Có:** Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

b, Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

### ***1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu***

Theo chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác của HTCMKTVN, các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

a, Tài khoản sử dụng:

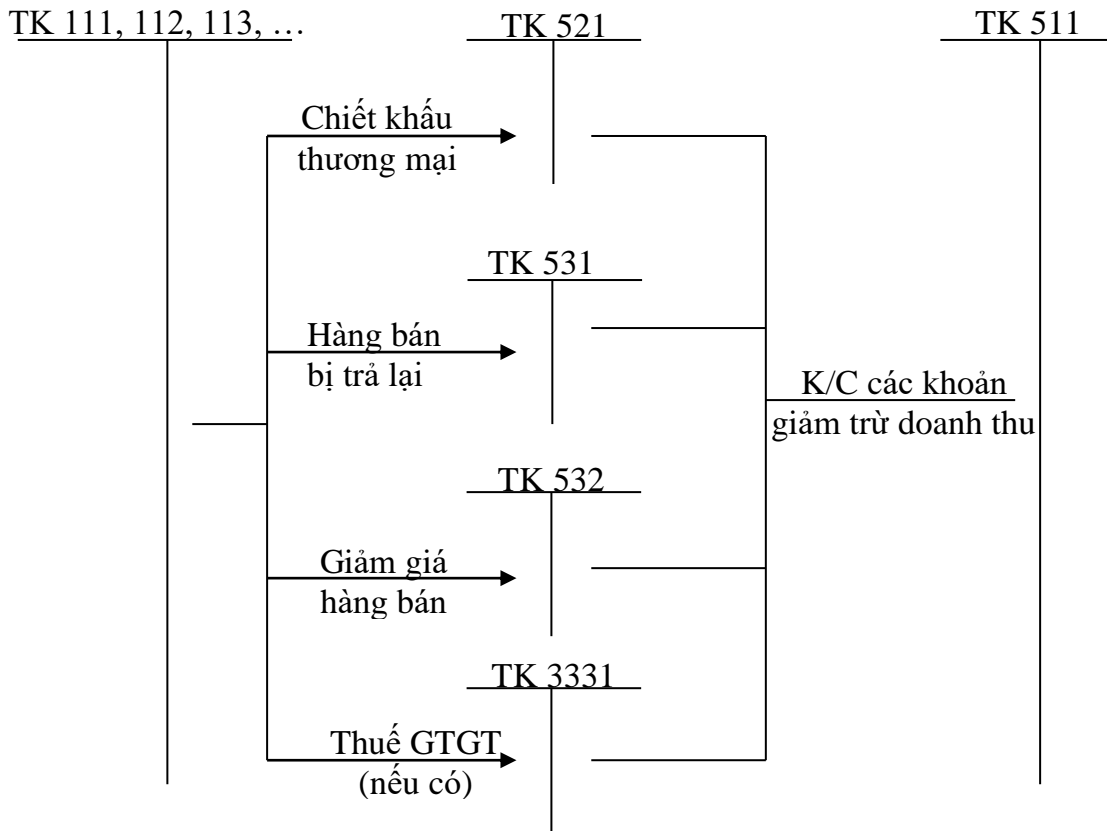
TK 521 - Chiết khấu thương mại

TK 531 - Hàng bán bị trả lại

TK 532 - Giảm giá hàng bán

Các khoản giảm trừ doanh thu là cơ sở để tính doanh thu thuần và KQKD trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả kinh doanh; Thuyết minh báo cáo tài chính).

b, Phương pháp hạch toán



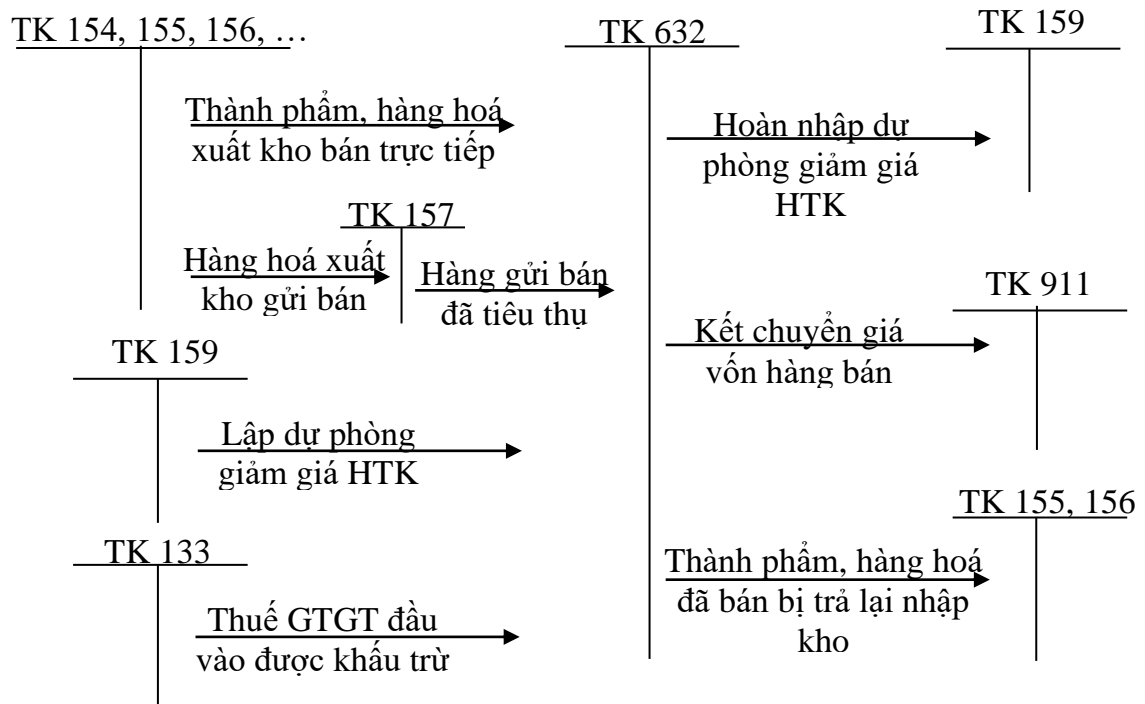
Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

### **1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán**

a, Khái niệm: Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của hàng hoá hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Riêng đối với các doanh nghiệp thương mại, không sản xuất ra thành phẩm mà chỉ thực hiện chức năng tiêu thụ sản phẩm thì giá vốn hàng bán còn bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng đã bán trong kỳ.

b, Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán

### 1.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.3.2.1. Chi phí bán hàng

a, Nội dung:

Theo GS – TS Ngô Thế Chi (2008), Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản trích theo lương (các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

- Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hoá, vật liệu dùng sửa chữa TSCĐ dùng trong quá trình bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm, hàng hoá.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí KHTSCĐ: Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm hàng hoá trong thời gian bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như chi phí thuê tài sản, tiền hoa hồng đại lý, ...

- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như chi phí tiếp khách, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, ...

b, Phương pháp hạch toán: Theo sơ đồ 1.4.

#### 1.3.2.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

a, Nội dung:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung cho toàn doanh nghiệp.

Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, chi phí quản QLDN bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ, ... dùng chung cho doanh nghiệp.

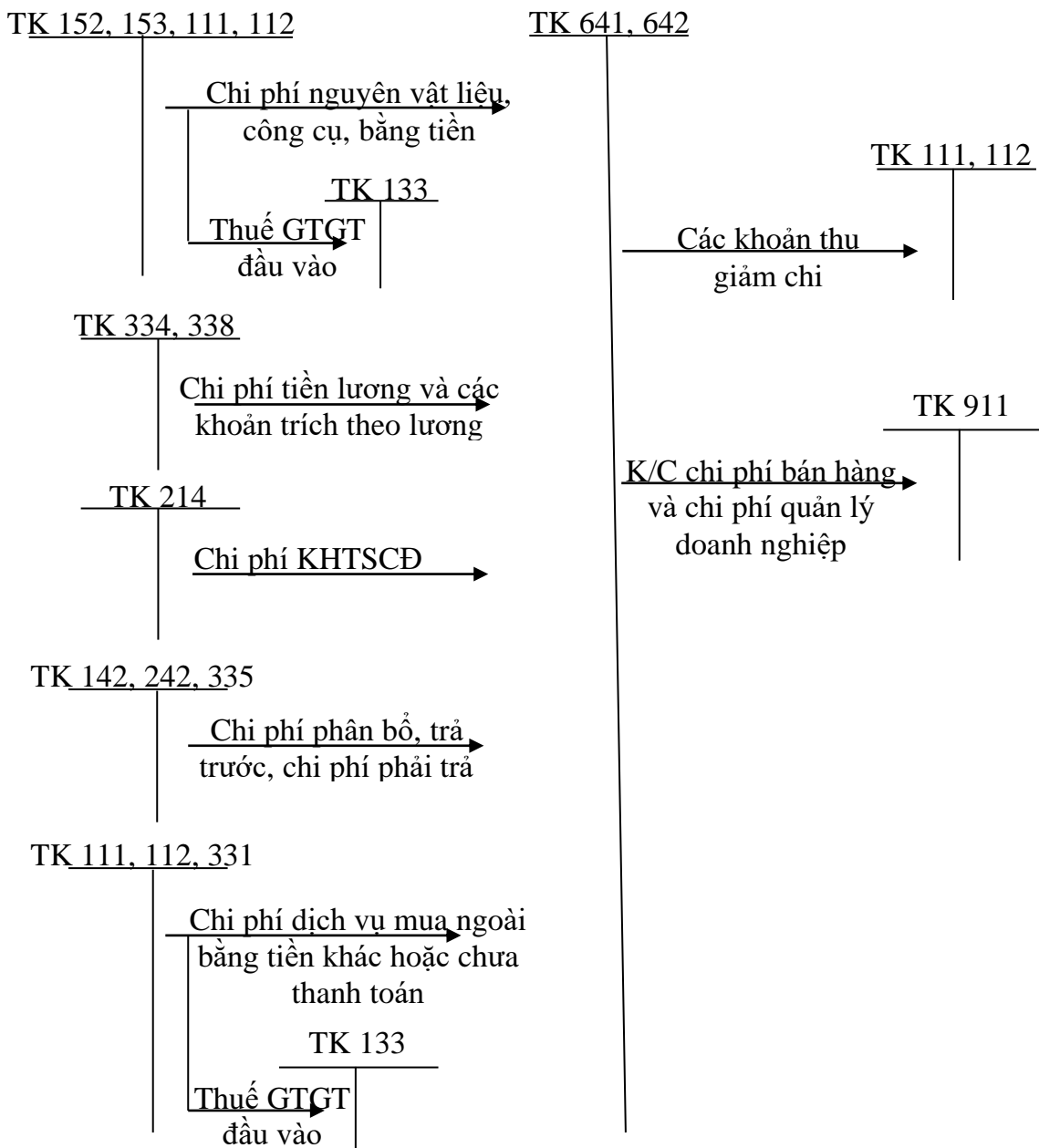
- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí KHTSCĐ: Khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, phương tiện truyền dẫn, ...

- Thuế, phí và lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà đất, thuế môn bài và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà, ...

- Chi phí dự phòng: Khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi về dịch vụ mua ngoài phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp như: tiền điện nước, thuê sửa chữa TSCĐ, ...
- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí và các khoản chi phí khác.

b, Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

**1.3.3. Kế toán hoạt động tài chính**

1.3.3.1. Kế toán doanh thu tài chính

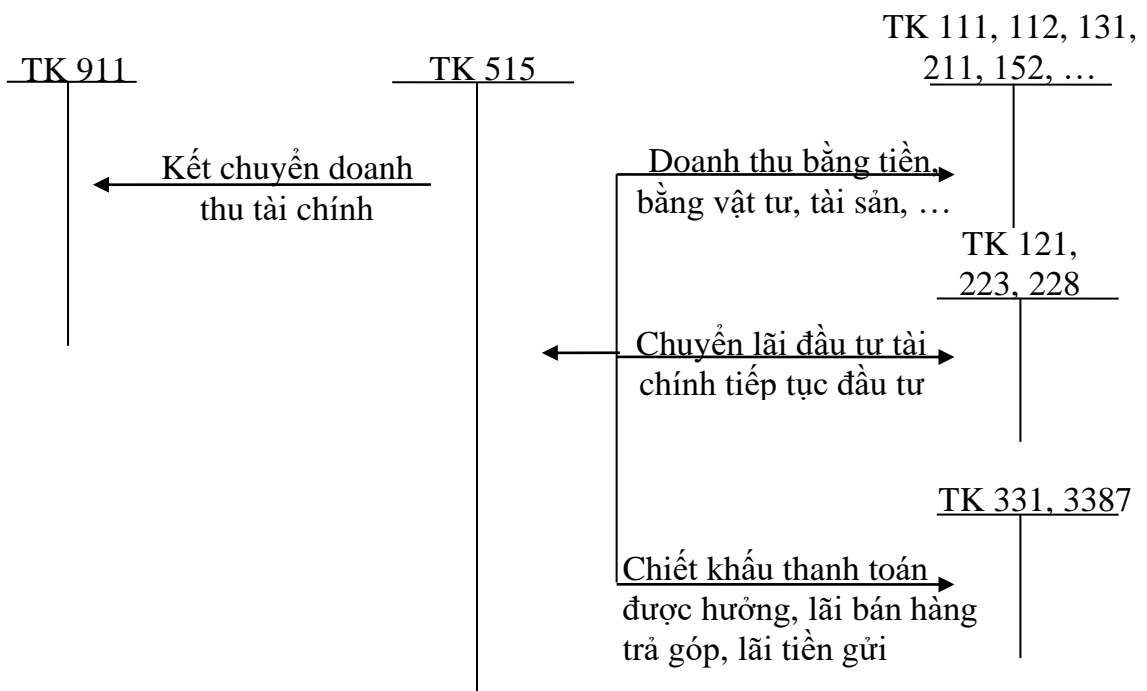
a, Khái niệm: Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi thoã mãn đồng thời cả hai yêu cầu sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- + Tiền lãi: Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, thu lãi bán hàng trả chậm, bán hàng trả góp.
- + Lãi do bán, chuyển nhượng công cụ tài chính, đầu tư liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, đầu tư liên kết, đầu tư vào Công ty con.
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia.
- + Chênh lệch do mua bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua vật tư, hàng hoá dịch vụ, TSCĐ.
- + Thu nhập khác liên qua đến hoạt động tài chính.

b, Phương pháp hạch toán



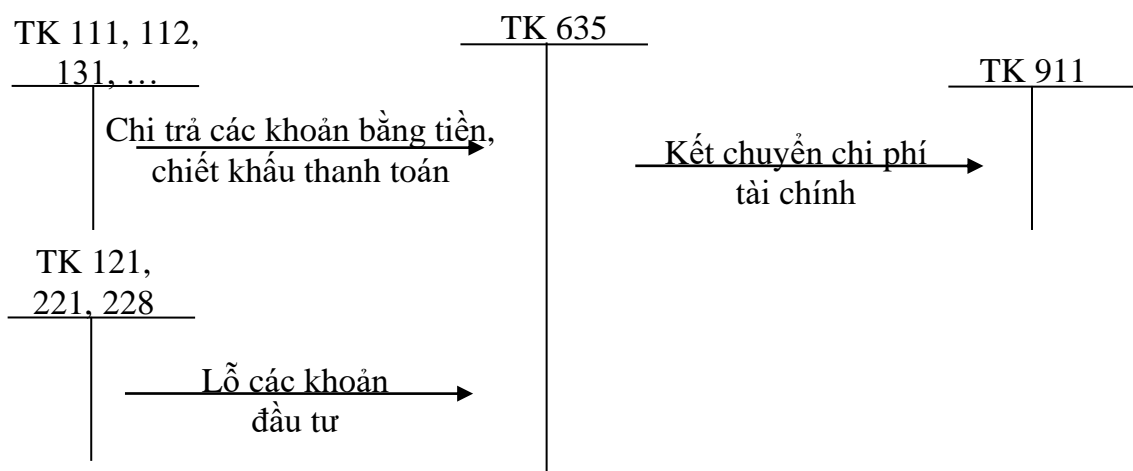
Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu tài chính



**1.3.3.2. Kế toán chi phí tài chính**

a, Khái niệm: Chi phí tài chính là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh để tiến hành tổ chức, điều hành hoạt động đầu tư, những tổn thất, thua lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, các khoản chi trả lãi vay, nợ, chiết khấu thanh toán cho bên khách hàng, mua hàng trả chậm, trả góp, ...

b, Phương pháp hạch toán:



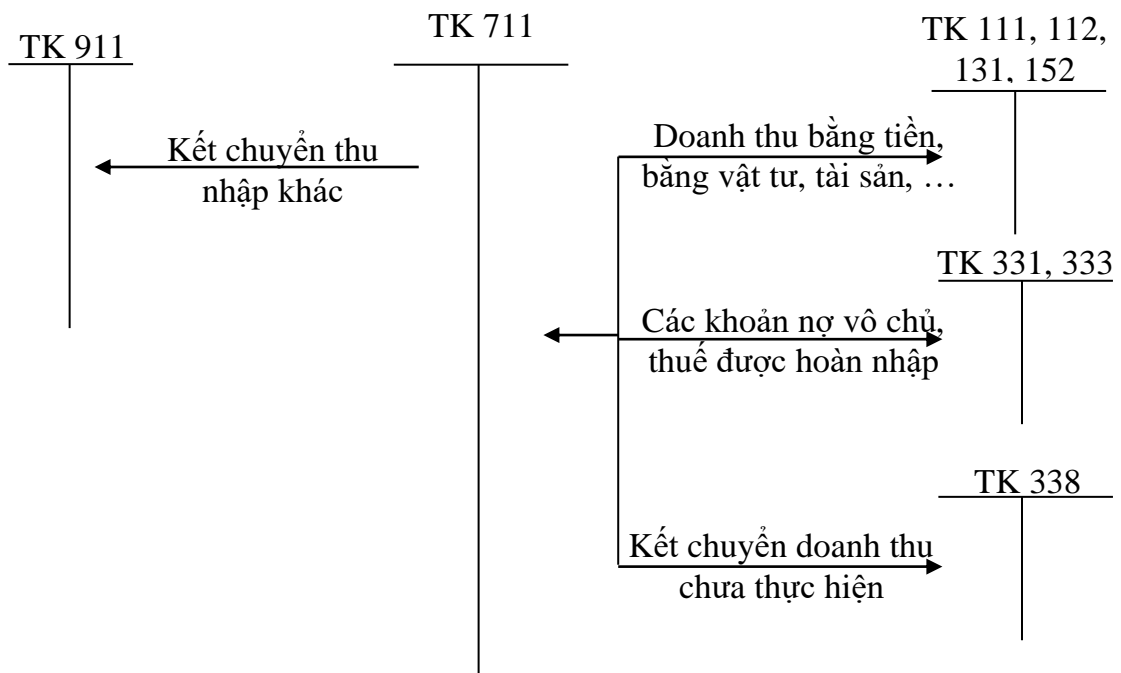
Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí tài chính

**1.3.4. Kế toán hoạt động khác**

**1.3.4.1. Kế toán thu nhập khác**

a, Khái niệm: Thu nhập khác là những khoản thu nhập từ những hoạt động hay các nhiệm vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của doanh nghiệp, bao gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các cá nhân, tổ chức tặng doanh nghiệp, ...

b, Phương pháp hạch toán:

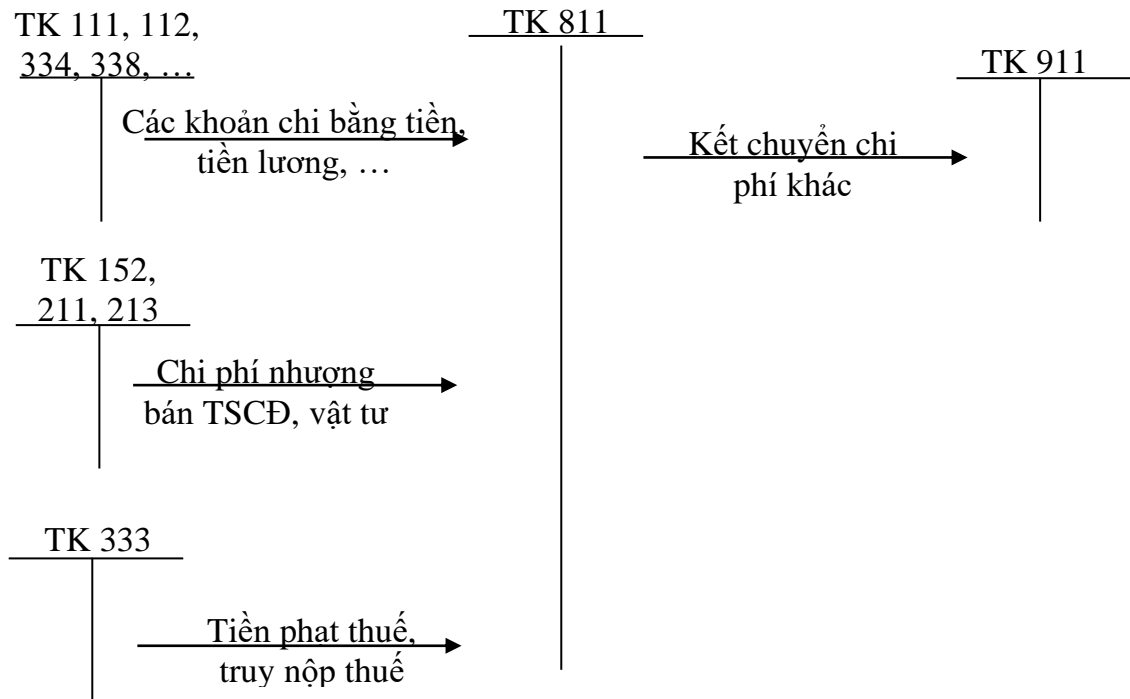


Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác

1.3.4.2. Kế toán chi phí khác

a, Khái niệm: Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra. Bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng, tiền phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do ghi nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

b, Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác

### **1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

a, Nội dung:

- Chi phí thuế TNDN gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất TNDN hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc:
  - + Ghi nhận số thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm
  - + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc:
  - + Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm
  - + hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ năm trước.



### **1.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh, dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Phản ánh số chênh lệch giữa tổng số doanh thu, chi phí kết quả hoạt động SXKD và hoạt động khác trong kỳ kế toán.

a, Kết cấu TK 911

#### **Bên Nợ:**

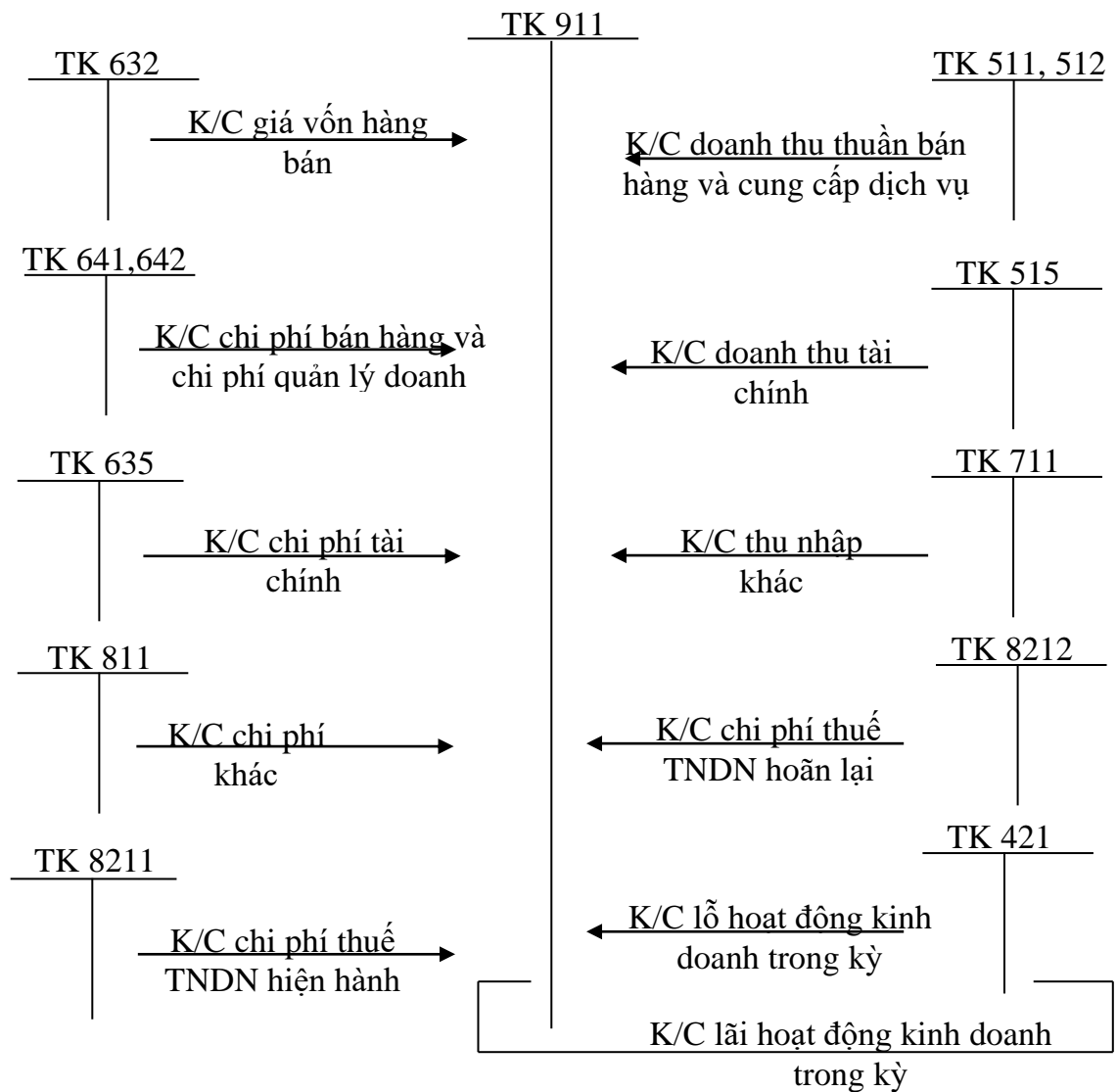
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ
- Chi phí tài chính trong kỳ
- Chi phí khác trong kỳ
- Chi phí thuế TNDN
- Kết chuyển số lãi từ hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **Bên Có:**

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính trong kỳ
- Thu nhập thuần khác trong kỳ
- Kết chuyển số lỗ từ hoạt động kinh doanh trong kỳ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

b, Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

## **Chương 2. THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG PHÚC**

### **2.1. Khái quát về Công ty TNHH MTV Trường Phúc**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc là đơn vị được Sở kế hoạch đầu tư cấp giấy phép ngày 27/7/2010 và được giao nhiệm vụ quản lý duy tu, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa và xây dựng cơ bản cầu đường bộ. Trụ sở chính của công ty đặt tại 01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế.

- Tên giao dịch : Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc

- Đại diện pháp luật: Lê Thị Kim Thương

- Ngày cấp giấy phép: 27/07/2009

- Ngày hoạt động: 28/07/2009 (*Đã hoạt động 5 năm*)

- Điện thoại: 0543524112

Từ năm 2006 đến 2009, Công ty đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo...

#### **2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty**

##### **2.1.2.1. Chức năng**

- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, gallery tranh nghệ thuật;

- Gia công các mặt hàng cơ khí, nhôm cao cấp, mái hiên di động;

- Xây dựng các công trình dân dụng;

- Trùng tu, bảo tồn và tư vấn các công trình văn hóa như đền, chùa, miếu thờ, nhà rường;

- Quảng cáo thương mại: Pano, hộp đèn, bảng hiệu, neonsign;

- Thiết kế mỹ thuật: sáng tác logo, tạo mẫu, catalogue, poster, bìa sách, tem nhãn sản phẩm; thiết kế tạo mẫu ngành in offset, in kỹ thuật số, in lụa; thiết kế, trang trí nội ngoại thất, trang trí hội chợ, triển lãm, website;

- Thiết kế thi công mô hình, sa bàn;

- Tổ chức sự kiện.

#### 2.1.2.2. Nhiệm vụ

- Kinh doanh những ngành nghề theo đúng ngành nghề đã đăng ký, không ngừng phát triển và mở rộng quy mô, cũng như nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường;

- Đảm bảo thực hiện nhiệm vụ SXKD có năng suất, chất lượng, đạt hiệu quả cao;

- Thực hiện đúng các chế độ báo cáo, thống kê, kế toán định kỳ theo quy định;

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt công tác an toàn lao động.

#### **2.1.3. Phương hướng kinh doanh và những thuận lợi, khó khăn của công ty**

##### 2.1.3.1. Phương hướng kinh doanh

Định hướng phát triển của hệ thống Công ty là triển khai duy trì chính sách chất lượng làm phương châm cho mọi hoạt động.

- Đối với khách hàng và thị trường:

+ Thoả mãn nhu cầu khách hàng về hàng hoá, dịch vụ;

+ Tăng lợi thế cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ;

+ Tăng lợi thế cạnh tranh bằng chủng loại, chất lượng, sản phẩm.

- Đối với cán bộ công nhân viên:

+ Tăng hiệu suất sử dụng thiết bị để phục vụ, ngày càng nhiều nhu cầu khách hàng;

+ Tăng hiệu quả sử dụng nguyên liệu giảm tỷ lệ phần trăm sản phẩm không phù hợp để tăng nhanh vòng vốn và hạ giá thành sản phẩm.

- Đối với công ty:

+ Tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng;

+ Đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đơn vị;

+ Tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

##### 2.1.3.2. Những thuận lợi, khó khăn của công ty

a, Thuận lợi



- Lĩnh vực quảng cáo là một lĩnh vực mới, còn ít Công ty hoạt động trong lĩnh vực này trên địa bàn tỉnh, nên Công ty ít đối thủ cạnh tranh.

- Ban giám đốc luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện để nhân viên có thể phát huy hết năng lực và khả năng làm việc của mình tạo không khí vui vẻ, thoải mái trong môi trường làm việc đem lại hiệu quả công việc tốt.

- Công ty đã đưa ra mô hình quản lý phù hợp tạo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng ban do đó mọi công việc của công ty được giải quyết một cách nhanh chóng, gọn nhẹ.

b, Khó khăn

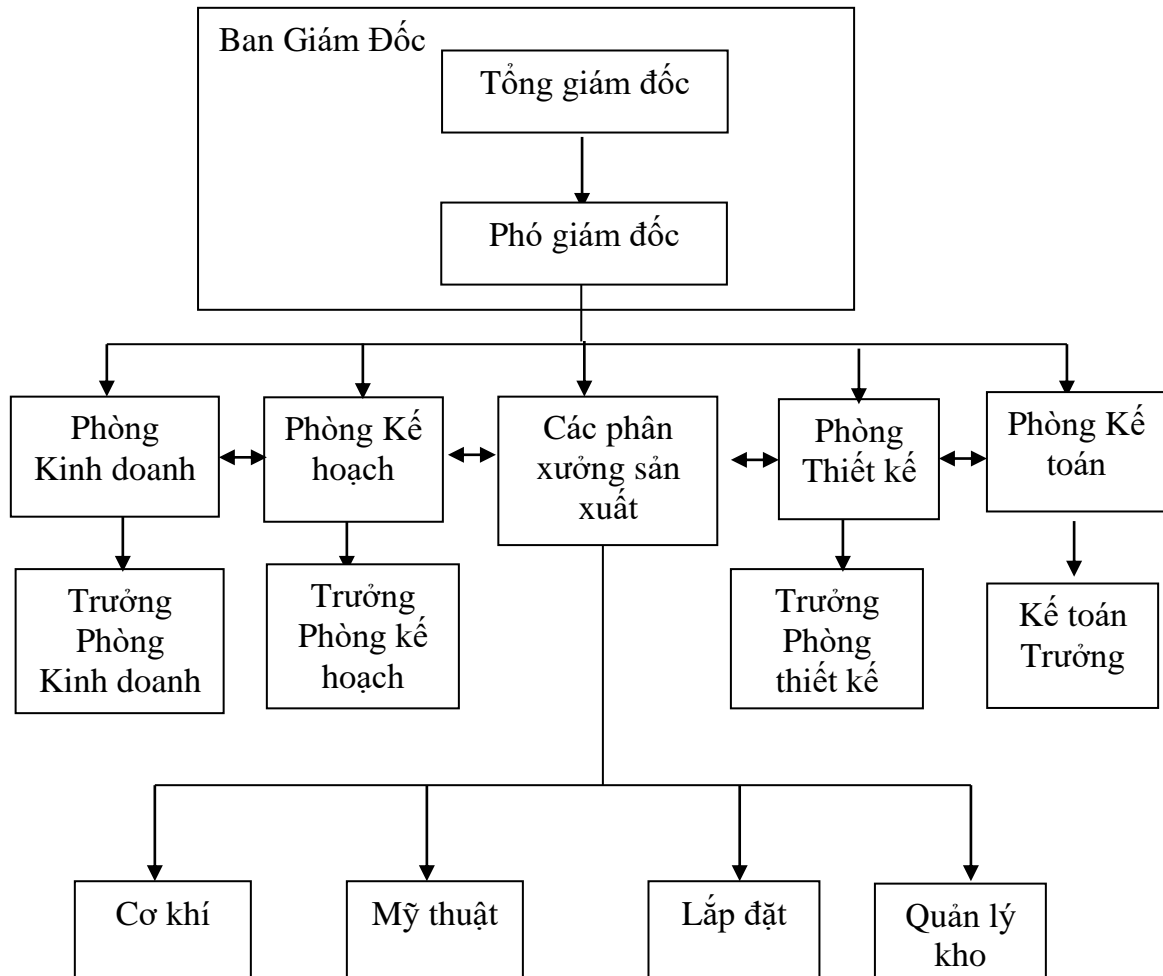
Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc đi vào hoạt động kinh doanh chưa được bao lâu. Nền kinh tế thị trường biến động liên tục, Công ty chưa có kinh nghiệm nhiều trên thị trường, sẽ khó khăn trong việc nắm bắt, thay đổi kịp thời với những tác động từ bên ngoài.

Nằm trên địa bàn tỉnh có nền công nghiệp còn chưa phát triển nên việc kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn như đối tác, khách hàng, ... Mặt khác, còn có các đối thủ cạnh tranh ngoài địa bàn tỉnh. Tác động đó sẽ yêu cầu ban lãnh đạo Công ty phải có những chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

#### ***2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý***

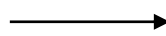
##### ***2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý***

Bộ máy của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, phù hợp với điều kiện hoạt động và quy mô của công ty. Thể hiện qua sơ đồ 2.1:

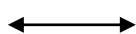


Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy toàn công ty

Chú thích:



Quan hệ trực tuyến



Quan hệ chức năng

#### 2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

- Ban Giám đốc:

+ Tổng giám đốc: Là người quản lý, người điều hành cao nhất. Chịu trách nhiệm chính về mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Là người vạch ra đường lối chiến lược, mục tiêu kinh doanh, kiểm tra, kiểm soát các bộ phận.

+ Phó giám đốc (gồm 2 người): Là người trợ lý, cố vấn và giúp giám đốc thực hiện quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ chuyên môn theo sự phân công của giám đốc. Là người chịu trách nhiệm trước giám đốc và Công ty trước pháp luật, thay mặt cho giám đốc giải quyết mọi việc theo sự uỷ quyền hoặc phân quyền của giám đốc.

- Phòng Kinh doanh: Có nhiệm vụ đề ra các kế hoạch kinh doanh, quảng bá thiết lập mối quan hệ với khách hàng. Tham mưu cho ban giám đốc về giá cả thị trường, khả năng mở rộng thị phần, nâng cao năng lực phục vụ, nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty.

- Phòng Kế hoạch: Có nhiệm vụ đưa ra các kế hoạch kinh doanh cho công ty, cũng như xem xét theo dõi về nhân sự, lập các kế hoạch khác trong công ty.

- Phòng Kế toán:

+ Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về kế hoạch tài chính, quản lý hoạt động tài chính kế toán trong toàn công ty.

+ Tổng hợp và hoàn thiện hệ thống báo cáo bắt buộc và xây dựng hệ thống báo cáo theo yêu cầu quản lý.

+ Cung cấp thông tin tài chính cho ban lãnh đạo công ty, các cơ quan quản lý kinh tế, các nhà đầu tư và các tổ chức đơn vị, cá nhân có lợi ích kinh tế liên quan.

- Phòng Thiết kế: Thiết kế các mẫu, pano, phong quảng cáo, tổ chức thiết kế các buổi sự kiện, .... Theo yêu cầu của khách hàng

- Các trưởng phòng có nhiệm vụ quản lý, đôn đốc các nhân viên trong phòng làm đúng phần việc và báo cáo cho ban giám đốc về thông tin khi có yêu cầu.

- Các phân xưởng sản xuất:

+ Cơ khí:

Nắm vững, phân bổ sử dụng các nguồn lực hiện có: số lượng, chủng loại, chất lượng, năng lực các loại thiết bị, vật tư kỹ thuật, vật tư thi công và nhân lực của Công ty giao cho để tổ chức sản xuất đạt hiệu quả cao nhất;

Quản lý, sử dụng thiết bị, vật tư, vật tư luân chuyển có tại công trình và đơn vị mình phụ trách;

Quản lý, theo dõi, chỉ đạo giám sát sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện thiết bị thi công của Công ty;

Gia công, thiết kế, sản xuất các loại...phục vụ làm bảng quảng cáo...

+ Lắp đặt: Trang trí, lắp đặt các vật dụng và những dụng cụ cần thiết cho sản phẩm, cũng như ánh sáng

+ Mỹ thuật: Trang trí, vẽ các logo, hình ảnh, chữ ... cho pano, bảng rôn quảng cáo....

+ Quản lý kho: Theo dõi, kiểm tra về các công cụ, dụng cụ, tài sản cố định trong công ty.

### **2.1.5. Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty**

#### **2.1.5.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty**

Có thể nói rằng, để một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển, điều kiện đầu tiên và quan trọng hàng đầu là nguồn vốn của doanh nghiệp. Nguồn vốn thể hiện khả năng và tiềm lực của công ty: để thành lập doanh nghiệp, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất kinh doanh, thuê lao động, ... Việc huy động nguồn vốn như thế nào và sử dụng nó ra sao có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành bại của doanh nghiệp.

Một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả khi họ biết khai thác và tận dụng hết nguồn năng lực hiện có, biết sử dụng nguồn vốn nhỏ để tạo ra nguồn vốn lớn hơn trong tương lai. Để nắm bắt về tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty TNHH MTV Trường Phúc, ta xem xét bảng 2.1 dưới đây.

Qua bảng 2.1 có thể thấy tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty có sự thay đổi tăng rõ rệt qua 3 năm.

*Về tình hình tài sản:* Tổng tài sản năm 2009 tăng so với năm 2008 với tốc độ tăng 28 %, nhưng qua năm 2010 tốc độ tăng nhanh hơn, với số tuyệt đối là 2.133.429 nghìn đồng tương ứng tăng với số tương đối là 77,7 %. Phải nói rằng mức tăng này rất lớn, nguyên nhân chính là do TSNH tăng một cách đột biến với 2.263.210 nghìn đồng, tương ứng 127,3 % và TSDH giảm 129.781 nghìn đồng, tương ứng 13,4 %. Và sự tăng đó do các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tăng 2.394.138 nghìn đồng. Điều này có thể đánh giá năm 2010 tình hình bán hàng, cung cấp hàng hoá dịch vụ tăng nhiều so với năm 2009 và năm 2008. Tuy nhiên, khi Công ty bị chiếm dụng khá lớn, Công ty không có vốn để quay vòng, mặt khác có thể xảy ra rủi ro nếu không thu hồi được nợ

và ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của công ty, nhất là khả năng thanh toán nhanh. Trong khi đó tỷ trọng của Nợ ngắn hạn lại tăng lên nhiều trong năm 2010, với tỷ lệ 71,6 %.

TSDH qua năm 2009 có tăng so với năm 2008, nhưng 2010 lại có giảm nhẹ với mức giảm 129.781 nghìn đồng, tương ứng 13,4 %. Điều này cũng phù hợp với đặc điểm kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ mà Công ty đang hoạt động. Cả 3 năm, TSNH trên tổng tài sản của Công ty đều chiếm tỷ trọng lớn và mức cao nhất là trong năm 2010 với 82,8 %. Chứng tỏ tính lưu động của tài sản là rất lớn, và điều này phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của công ty.

*Về tình hình nguồn vốn:* Qua 3 năm nguồn vốn của Công ty có sự biến động tăng khá lớn. Năm 2009 NPT của Công ty tăng so với năm 2008 với mức tăng tương đối là 64,2 %. Qua năm 2010, mức tăng lớn hơn với số tuyệt đối là 2.031.902 nghìn đồng, tương ứng 119,7 %. Nguyên nhân của sự tăng trên là do Công ty tăng Nợ ngắn hạn lên khá nhiều. Chứng tỏ Công ty đi chiếm dụng được vốn, quy mô kinh doanh kinh doanh được mở rộng. Nhưng sự biến động tăng này cũng có thể mang lại rủi ro cho Công ty nếu khả năng thanh toán của Công ty không lớn để thanh toán các khoản nợ nếu các chủ nợ đòi thanh toán một lúc.

VCSH của Công ty qua năm 2009 giảm so với năm 2008, nhưng đã có tín hiệu tăng ở năm 2010 dù mức độ tăng không lớn, với mức tăng 101.528 nghìn đồng, tương ứng 9,7 %. Nguồn VCSH được bù đắp hàng năm chủ yếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của công ty. Năm 2010, vì NPT tăng đột biến nên chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng nguồn vốn, 76,4 %. Có ảnh hưởng đến tính chủ động về vốn của công ty.

Bảng 2.1: Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty

Đơn vị tính: nghìn đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010		Năm 2009/2008		Năm 2010/2009	
		%		%		%	+/-	%	+/-	%
<b>TÀI SẢN</b>										
A/ TSNH	1.737.649	81,0	1.777.210	64,7	4.040.420	82,8	39.561	2,3	2.263.210	127,3
Tiền và các khoản tương đương tiền	397.356	18,5	542.203	19,7	671.167	13,8	144.847	36,5	128.964	23,8
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.141.146	53,2	397.569	14,5	3.167.980	64,9	-743.577	-65,2	2.770.411	696,8
B/ TSDH	406.973	19,0	969.733	35,3	839.952	17,2	562.760	138,3	-129.781	-13,4
Tài sản cố định	306.886	14,3	932.739	34,0	820.124	16,8	625.853	203,9	-112615	-12,1
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.144.623</b>	<b>100</b>	<b>2.746.943</b>	<b>100</b>	<b>4.880.372</b>	<b>100</b>	<b>602.320</b>	<b>28,1</b>	<b>2.133.429</b>	<b>77,7</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>										
A/ NPT	1.033.646	48,2	1.696.969	61,8	3.728.871	76,4	663.323	64,2	2.031.902	119,7
Nợ ngắn hạn	825.146	38,5	1.461.469	53,2	3.493.371	71,6	636.323	7,1	2.031.902	139,0
B/ VCSH	1.110.977	51,8	1.049.974	38,2	1.151.502	23,6	-61.003	-5,5	101.528	9,7
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.144.623</b>	<b>100</b>	<b>2.746.943</b>	<b>100</b>	<b>4.880.372</b>	<b>100</b>	<b>602.320</b>	<b>28,1</b>	<b>2.133.429</b>	<b>77,7</b>

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc)

### 2.1.5.2. Tình hình kết quả kinh doanh của công ty

Kết quả kinh doanh là mục tiêu cuối cùng, nó là cơ sở cho quyết định của các nhà đầu tư, chủ nợ và những đối tượng quan tâm khác. Kết quả kinh doanh phản ánh khả năng, năng lực và trình độ của các nhà quản trị Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trong những năm vừa qua, hoạt động SXKD của Công ty đã có những dấu hiệu khả quan. Thể hiện rõ qua bảng 2.2.

Doanh thu qua 3 năm có biến động tăng, và rõ nét nhất là năm 2009 so với năm 2008. Doanh thu tăng 2.636.326 nghìn đồng, tương ứng 54,1 %. Song song với tăng doanh thu thì chi phí giá vốn cũng tăng và với mức tăng tuyệt đối 2.238.923 nghìn đồng, tương ứng 54,8 %. Chứng tỏ chi phí, giá cả đầu vào của Công ty tăng nhiều hơn so với giá bán sản phẩm, dịch vụ của công ty. Có thể Công ty thay đổi nhà cung cấp, hoặc do yếu tố khác quan là giá cả thị trường đồng loạt tăng giá ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của công ty. Đến năm 2010, doanh thu của Công ty có tăng nhưng mức độ tăng khá nhỏ, chỉ có 3,1 %. Nhưng chi phí giá vốn của Công ty đã có giảm, chứng tỏ khả năng quản lý, kiểm soát chi phí đầu vào của Công ty đã tốt hơn.

Qua 3 năm, chi phí tài chính của Công ty có giảm, trong khi đó NPT của Công ty tăng nhanh, nhất là năm 2010. Đây là dấu hiệu tốt cho công ty. Nguyên nhân có thể các nhà quản lý của Công ty đã đàm phán với chủ nợ để giảm chi phí sử dụng vốn vay. Và một phần Công ty được sử dụng vốn của khách hàng trả trước mà không phải trả chi phí sử dụng vốn nên đã giảm được một phần chi phí.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty có tăng trong năm 2009, nhưng năm 2010 có sự giảm xuống với số tương đối 5.471 nghìn đồng, tương ứng 5,1 %. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của chi phí giá vốn tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu. Bên cạnh đó chi phí thuế TNDN tăng khá lớn, với 49,1 %. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2009 tăng so với năm 2008, nhưng chi phí thuế TNDN của Công ty năm 2008 lại giảm so với năm 2009, nguyên nhân là do năm 2009, Công ty được ưu đãi một phần thuế TNDN do giải pháp kích cầu, chính sách chống suy giảm kinh tế của chính phủ. Vì vậy sang năm 2010 chi phí thuế TNDN của công ty tăng đột biến so với năm 2009.

Bảng 2.2: Tình hình kết quả kinh doanh của công ty

Đơn vị tính: nghìn đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009/2008		Năm 2010/2009	
				+/-	%	+/-	%
1. Doanh thu	4.869.651	7.505.977	7.738.383	2.636.326	54,1	232.406	3,1
4. Giá vốn hàng bán	4.088.300	6.327.223	6.549.588	2.238.923	54,8	222.365	3,5
5. Lợi nhuận gộp	781.353	1.178.754	1.188.795	397.401	50,9	10.041	0,9
6. Chi phí tài chính	70.584	68.829	59.524	-1.755	-2,5	-9.305	-13,5
- Trong đó: Chi phí lãi vay							
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	583.014	981.596	995.202	398.582	68,4	13.606	1,4
9. Lợi nhuận thuần	127.753	128.338	134.087	585	0,5	5.749	4,5
10. Thu nhập khác		1.356	1.301	1.356		-55	-4,1
12. Lợi nhuận khác		1.356	1.301	1.356		-55	-4,1
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	127.753	129.694	135.370	1.941	1,5	5.676	4,4
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33.088	22.697	33.842	-10.391	-31,4	11.145	49,1
15. Lợi nhuận sau thuế	94.665	106.998	101.527	12.333	13,0	-5.471	-5,1

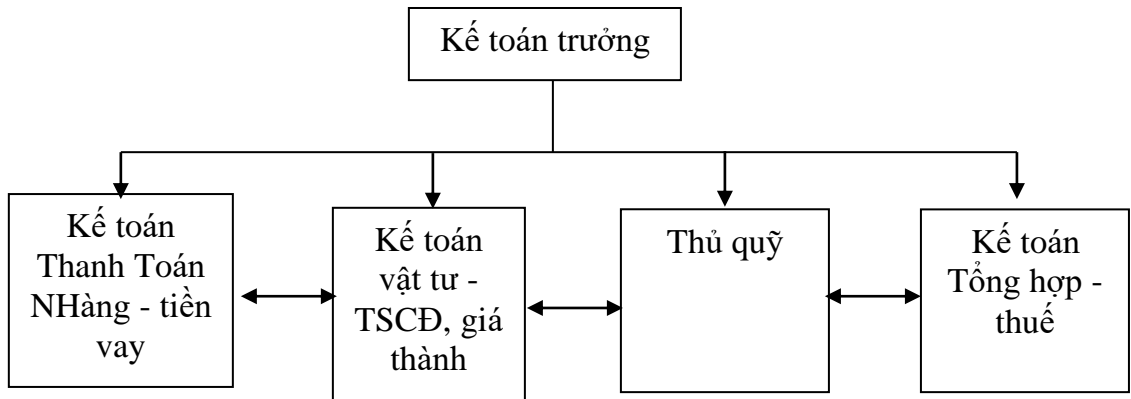
(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc)



**2.1.6. Tổ chức công tác kế toán**

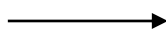
**2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.2 sau:

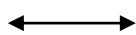


Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

Chú thích:



Quan hệ trực tuyến



Quan hệ chức năng

- *Kế toán trưởng*: là người đứng đầu phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước giám đốc về toàn bộ công tác kế toán của công ty. Tham mưu cho giám đốc về chế độ, chính sách tài chính của công ty. Đồng thời hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc hạch toán của các nhân viên kế toán hoàn thành tốt theo đúng chế độ hiện hành.

- *Kế toán Tổng hợp - thuế*:

- + Kiểm tra hạch toán các nghiệp vụ của kế toán thành phần hành.
- + Tham gia xây dựng điều chỉnh định mức vật tư, kiểm tra việc sử dụng vật tư so với định mức của các tổ sản xuất.
- + Lập báo cáo tài chính định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Trưởng phòng. Lập các báo cáo theo quy định.
- + Kiểm tra hạch toán các nghiệp vụ nhập xuất TSCĐ, CCDC. Kiểm tra theo dõi tình hình sử dụng và khấu hao tài sản tại các đơn vị trong công ty.

+ Yêu cầu các cá nhân liên quan cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin liên quan đến công tác thực hiện.

+ Chịu trách nhiệm kê khai thuế.

- *Kế toán Vật tư – TSCĐ, giá thành*

+ Có nhiệm vụ liên hệ mua vật tư, theo dõi tình hình biến động của vật tư.

+ Theo dõi hiện trạng TSCĐ của Công ty, trích đúng và trích đủ khấu hao TSCĐ.

+ Cuối kỳ phải hoàn thành công tác tính giá thành

- *Kế toán Thanh toán - Ngân hàng - tiền vay:*

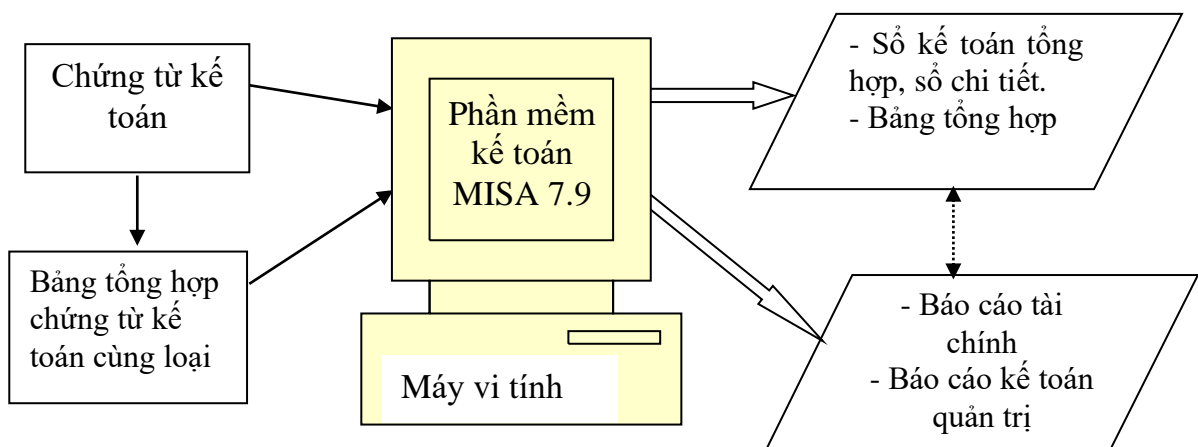
+ Theo dõi tình hình thanh toán với người mua, người bán, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên.

+ Theo dõi về giá trị và sự biến động trong kỳ của tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng và các chứng chỉ có giá.


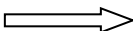

- *Thủ quỹ:* Là người chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất và tồn tiền mặt tại công ty.

### 2.1.6.2. Đặc điểm hình thức kế toán

Hiện tại, Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy, sử dụng phần mềm kế toán Misa 7.9 và dựa trên hình thức Chứng từ ghi sổ. Phần mềm có ưu điểm là dễ sử dụng, quản lý số liệu tốt hơn, cung cấp thông tin nhanh và chính xác cho ban lãnh đạo công ty.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy tại công ty

<i>Ghi chú:</i>		Nhập số liệu hàng ngày
		In sổ, báo cáo cuối tháng
		Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất cứ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin được nhập vào trong kỳ. Nhân viên kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm, kế toán in ra các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

#### 2.1.6.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản

Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc sử dụng hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006. Hệ thống tài khoản bao gồm 9 loại tài khoản trong bảng, được chi tiết đến tài khoản cấp 2, có một số tài khoản được chi tiết đến tài khoản cấp 3 tùy theo yêu cầu quản lý của công ty. Và 1 loại tài khoản ngoài bảng.

2.1.6.4. Tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo

- Hệ thống Báo cáo tài chính của Công ty áp dụng theo chế độ bao gồm:

+ Bảng cân đối kế toán (Mẫu B-01/DNN)

+ Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu B-02/DNN)

+ Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B-09/DNN)

+ Bảng cân đối tài khoản (Mẫu F01-DNN)

+ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (Mẫu F01-DNN)

+ Tờ khai tự quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN, Theo thông tư 60/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ tài chính).

Công ty không lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tất cả các báo cáo tài chính này được lập theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính.

2.1.6.5. Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Niên độ kế toán: từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm

- Đồng tiền hạch toán: Việt Nam Đồng (VND)

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kiểm kê định kỳ

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao theo đường thẳng

- Phương pháp tính thuế: Theo phương pháp khấu trừ

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí lãi vay: Theo hoá đơn hợp lý, hợp lệ của Ngân hàng.

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Theo hoá đơn hợp lý, hợp lệ.

**2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc**

**2.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh**

2.2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH MTV Trường Phúc là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo, cung cấp dịch vụ. Còn khá ít Công ty hoạt động trong lĩnh vực này. Sản phẩm của Công ty là cung cấp các dịch vụ, các sản phẩm quảng cáo theo yêu cầu đặt hàng của khách hàng nên Công ty không có thành phẩm tồn kho.

#### 2.2.1.2. Phương thức tiêu thụ

Vì Công ty cung cấp và sản xuất theo ĐDH của khách hàng nên phương thức tiêu thụ của Công ty là tiêu thụ trực tiếp. Đối với các sản phẩm quảng cáo, công trình thi công khi hoàn thành sẽ được kiểm tra chất lượng, đối chiếu với ĐDH của khách hàng một cách kỹ lưỡng trước khi giao cho khách hàng nên không xảy ra trường hợp hàng bán bị trả lại. Tại Công ty cũng không phát sinh các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty được xác định hàng tháng. Cuối tháng, kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh.

#### 2.2.1.3. Phương thức thanh toán tại công ty

Các phương thức thanh toán thường được sử dụng tại Công ty là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.

- Thanh toán bằng tiền mặt: Được áp dụng đối với những ĐDH có giá trị nhỏ hoặc khi khách hàng ở gần công ty. Đối với các sản phẩm về quảng cáo, Công ty thường yêu cầu khách hàng trả trước một khoản tiền để đảm bảo khách hàng sẽ lấy sản phẩm.

- Thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng: Được áp dụng đối với các ĐDH có giá trị lớn. Đây là hình thức thanh toán được Công ty khuyến khích các khách hàng của mình áp dụng vì ưu điểm là an toàn và nhanh chóng. Để thuận tiện cho việc thanh toán với các nhà cung cấp, các khách hàng lớn, Công ty đã lập tài khoản tại ngân hàng Vietcombank và ngân hàng ICB.

### **2.2.2. Kế toán doanh thu tại công ty**

#### 2.2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty

- Doanh thu chủ yếu của Công ty từ các hoạt động kinh doanh như : Cho thuê quảng cáo, thi công trọn gói công trình xây dựng dân dụng, hoàn thành trang trí sau xây dựng, trang trí nội ngoại thất, tổ chức sự kiện chuyên nghiệp, ...

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu từ hoạt động SXKD để hạch toán doanh thu từ hoạt động kinh doanh.

Kế toán tại Công ty mở thêm tài khoản cấp 2 và 3 để hạch toán, theo dõi kết quả kinh doanh của từng loại doanh thu trong công ty:

TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 51131 – Doanh thu từ cho thuê quảng cáo

TK 51131 – Doanh thu từ tổ chức sự kiện

TK 51133 – Doanh thu từ trang trí nội ngoại thất

.....

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT.

- Quy trình lập chứng từ, luân chuyển chứng từ và hạch toán doanh thu tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.4:

Khi khách hàng có nhu cầu về cung cấp hàng hoá, dịch vụ, có thể đến trực tiếp hoặc liên hệ đến bộ phận kinh doanh của Công ty để đặt hàng. Sau khi xem xét đơn đặt hàng, Phòng kinh doanh tiến hành kiểm tra về hạn mức tín dụng của khách hàng. Nếu đủ điều kiện thì chuyển yêu cầu đặt hàng tới Phòng thiết kế. Phòng thiết kế phác thảo ra 2 bản thiết kế theo ĐDH của khách hàng. Một bản chuyển cho phòng kinh doanh, 1 bản chuyển cho phân xưởng sản xuất.

Phòng kinh doanh nhận bản thiết kế từ phòng thiết kế thì tiến hành lập 2 bảng dự toán. Một bản gửi cho khách hàng, nếu khách hàng đồng ý với bảng dự toán và chấp nhận thanh toán, phòng kinh doanh phôi tô thêm 1 bản và chuyển cho Phòng kế toán, 1 bản lưu tạm tại phòng.

Khi hoàn thành xong đơn đặt hàng, khách hàng cầm ĐDH tới phòng kế toán và kế toán thanh toán đối chiếu với bảng dự toán và tiến hành lập hoá đơn GTGT thành 3 liên. Liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu tại phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ, liên 1

lưu tại cuống. Trên hóa đơn GTGT, kế toán ghi rõ ngày tháng lập hóa đơn, thông tin về tên hàng hóa dịch vụ, đơn giá, thuế GTGT, tổng tiền hàng, tiền thuế GTGT, tổng tiền khách hàng phải thanh toán. Ngoài ra, còn có đầy đủ chữ ký của thủ trưởng đơn vị, người lập hóa đơn, khách hàng. Nếu bán hàng qua điện thoại thì ghi rõ “bán hàng qua điện thoại” (thường thì có dấu sẵn để đóng vào hóa đơn).

Hóa đơn GTGT là căn cứ để kế toán hạch toán vào sổ kế toán tổng hợp như Sổ Cái TK 511, TK131,... sổ thẻ chi tiết liên quan như Sổ chi tiết TK 511, TK131,...

Nếu khách hàng thanh toán tiền luôn thì kế toán lập phiếu thu tiền (**Phụ lục 1, biểu mẫu 2.1**)

**Biểu mẫu 2.1:**

Công ty TNHH MTV XD Trường Phúc  
01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế  
**BẢNG DỰ TOÁN**

Kính gửi: .....

Địa chỉ:.....

STT	Khoản mục	Chất liệu	Chi tiết		Đơn giá	Thành tiền
			Số lượng	Đơn vị tính		
Tổng tiền:						
Thuế GTGT 10%:						
Tổng cộng:						

Ngày ... tháng...năm...

**Người lập**

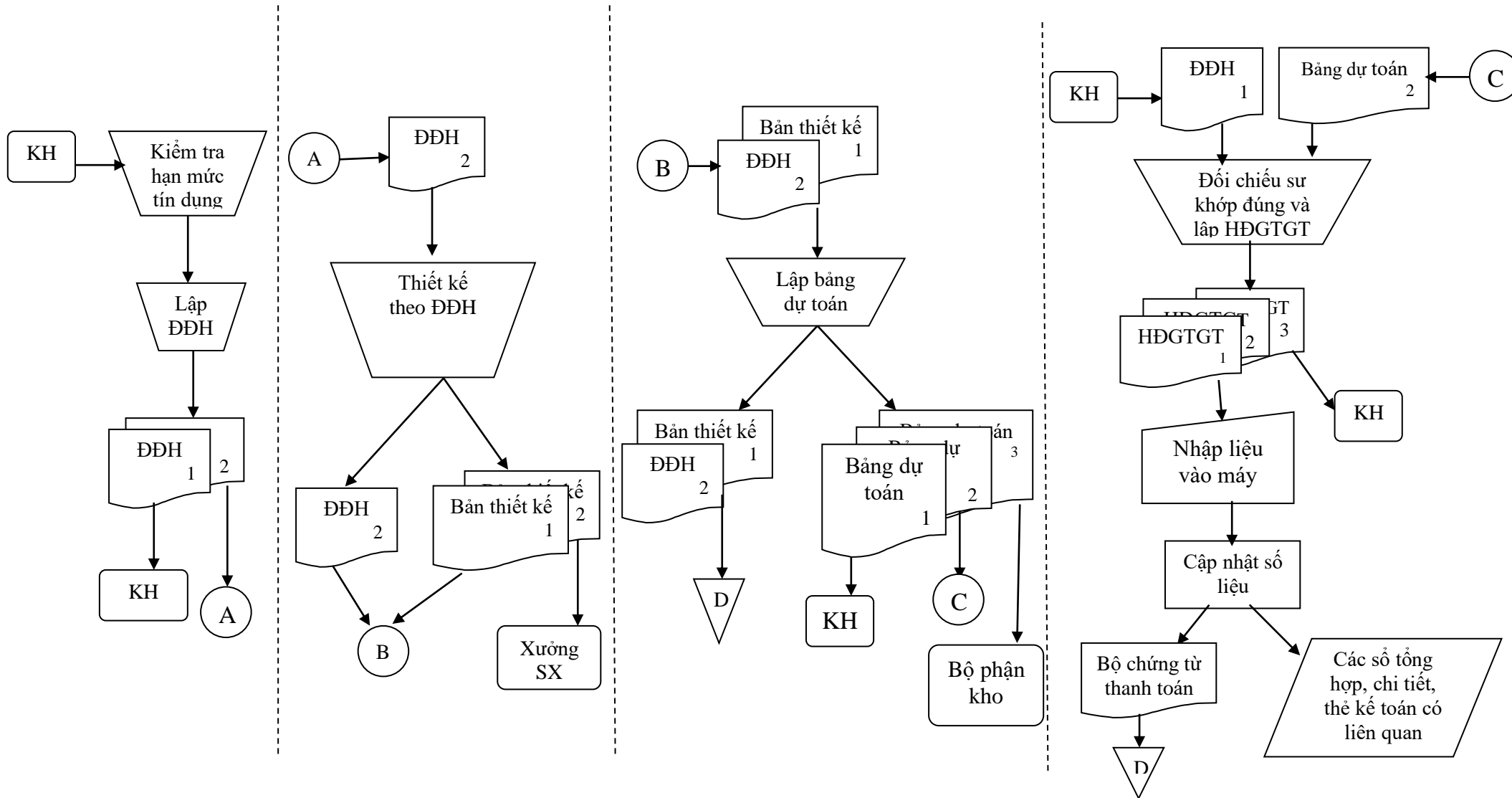
(ký, họ tên)

Phòng Kinh Doanh

Phòng Thiết Kế

Phòng Kinh Doanh

Phòng Kế Toán



Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty



- Trình tự ghi sổ

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán xác định tài khoản ghi Nợ, ghi Có số tiền,... Từ đó nhập số liệu vào phần mềm kế toán theo biểu mẫu chứng từ có sẵn. Máy tính tự động cập nhật vào các sổ kế toán tổng hợp như sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, các Sổ chi tiết TK 511, TK 131, ...Cuối tháng, số liệu được tự động cập nhật vào sổ Cái TK 511, TK 3331, TK 131,...Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ (**Phụ lục 3, mẫu 2.3**), là sổ tổng hợp dùng để ghi nhận nghiệp vụ kinh tế theo Chứng từ ghi sổ cùng loại. Sổ Cái được dùng để ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong từng kỳ và trong một niên độ kế toán theo các tài khoản và được ghi định kỳ cuối mỗi tháng. Số liệu trên sổ Cái là số liệu được phân loại và hệ thống hóa theo đối tượng kế toán phản ánh. Theo dõi từng đối tượng theo yêu cầu quản lý; cung cấp thông tin cho việc quản lý từng loại tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chưa được phản ánh trên sổ Cái. Ví dụ như sổ chi tiết TK 131 sẽ phản ánh được chi tiết theo từng khách hàng, sổ chi tiết TK 112 được chi tiết cho từng ngân hàng, ...

Ví dụ minh họa: Ngày 10/11/2010, Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0093715 (**Phụ lục 2, biểu mẫu 2.2**), kế toán thanh toán hạch toán vào Chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 131: 72.144.000

Có TK 511: 72.144.000

Đồng thời phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật vào sổ chi tiết TK 511. Cuối tháng, số liệu sẽ được tự động cập nhật vào sổ Cái TK 511. Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

**Biểu mẫu 2.2:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 06

Ngày 10 tháng 11 năm 2010

Trích yếu	TK ghi Nợ	TK ghi Có	Số tiền	
			Nợ	Có
Trang trí nội ngoại thất cho NH TMCP Công thương chi nhánh Quảng trị	131	511	72.144.000	72.144.000

Kèm theo ... chứng từ gốc.

**Kế toán trưởng**

**Người lập**

**Biểu mẫu 2.3:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/3

01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

Tháng 11 năm 2010

**SỔ CHI TIẾT**

**TÀI KHOẢN 511: DOANH THU**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Số CT GS	Chứng từ		Số hoá đơn	Diễn giải	Đối ứng		Số tiền phát sinh		Số dư (Bên Có)
		Số	Ngày			TK	Chi tiết	Nợ	Có	
					<b>Tháng 11/2010</b> <i>Dư đầu kỳ</i>					<b><u>4.700.029.737</u></b>
...	...	...	...	...	.....	...	...		....	...
10/11	06	KT06	10/11/2010	0093715	NH TMCP Công thương chi nhánh Quảng Trị, hđ 0093715	131	NHCT-QTR		72.144.000	5.144.388.668
.....	....	...	...	...	..	...	...		...	...
29/11	06	KT19	29/11/2010	0093745	NH TMCP Đông Á chi nhánh Huế, hđ 0093745	131	NHDONGA		1.815.000	5.737.254.425
...	...	...	...	...	...	...	...		...	...

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

**Biểu mẫu 2.4:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 23

01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

**TÀI KHOẢN : 511- DOANH THU**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại	Số			Nợ	Có
			<b>Tháng 11/2010</b> <i>Dư đầu kỳ</i>			<b><u>4.700.029.737</u></b>
30/11/2010	01	01	Thu tiền cty TNHH TM XD Trần Lê, hđ 0093701 và thu tiền cty CP ĐT&PT NL MTrời. vv...	111		10.031.615
30/11/2010	06	06	CN cty CP Cao Su Sài Gòn Kimdan tại Đà Nẵng, hđ 0093713 và Công ty CP ESPACE BUSINESS Huế, hđ 009374. vv...	131		1.042.444.294
			<b>Cộng phát sinh trong tháng</b>			<b>1.052.475.909</b>
			<b>Luỹ kế phát sinh từ đầu năm</b>			<b>5.752.505.646</b>
			<b>Số dư cuối tháng 11</b>			<b>5.752.505.646</b>

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

**2.2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Ở Công ty hiện nay vẫn chưa có hình thức chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hay hàng bán bị trả lại. Đây cũng là đặc thù chung của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo và cung cấp dịch vụ. Vì vậy, trong kỳ không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

**2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, quảng cáo, và thực hiện theo ĐDH của khách hàng, khi hoàn thành sẽ được bàn giao ngay cho khách, do vậy công ty không sử dụng tài khoản 155 - Thành phẩm. Vì vậy, giá vốn hàng bán tại Công ty được kết chuyển từ TK 154 – Chi phí SXKD.

Vì Công ty hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ, nên giá vốn hàng bán tại Công ty được xác định vào cuối tháng.

- Phương pháp tính giá thành: Tại Công ty áp dụng phương pháp trực tiếp đối với các sản phẩm quảng cáo, dịch vụ tổ chức sự kiện, trang trí nội ngoại thất.

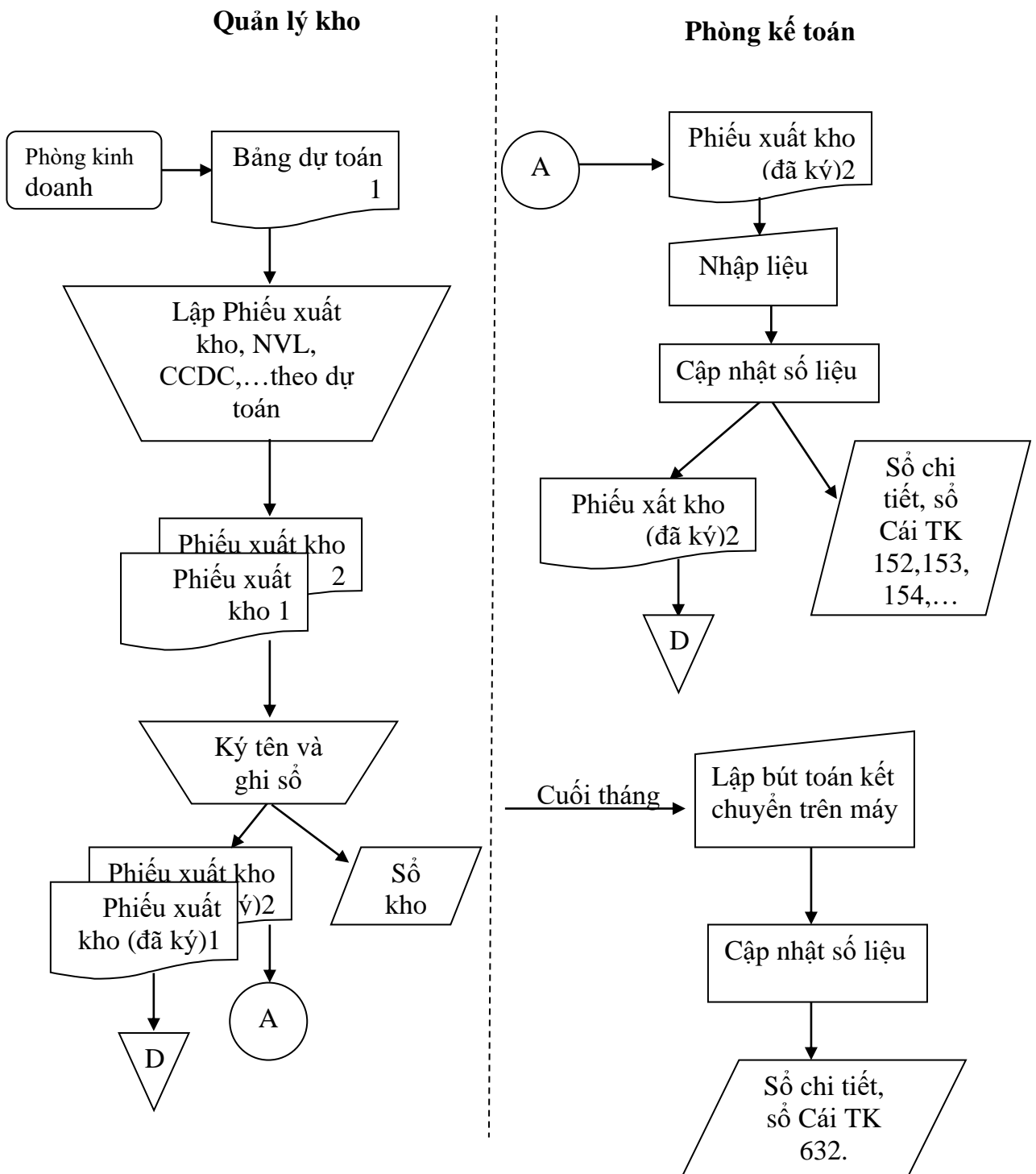
- Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán

- Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho nguyên vật liệu - CCDC,...

- Quy trình lập chứng từ, luân chuyển chứng từ và hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty thể hiện qua sơ đồ 2.5:

Căn cứ vào Bảng dự toán do Phòng kinh doanh chuyển tới, Bộ phận kho tiến hành lập Phiếu xuất kho (về số lượng, chủng loại theo Bảng dự toán) thành 2 liên và ký xác nhận, đồng thời ghi vào sổ kho. Liên 1 lưu tại bộ phận, liên 2 chuyển cho phòng kế toán.

Phòng kế toán nhận được Phiếu xuất kho thì tiến hành ghi sổ kế toán có liên quan như sổ chi tiết TK 152, TK 153,... và hạch toán vào sổ TK 154 theo từng ĐDH. Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí SXKD dở dang vào TK 632 để phản ánh giá vốn.



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ luân chuyển chứng từ và hạch toán giá vốn tại công ty

- Quy trình ghi sổ:

Vì Công ty tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân, hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Nên cuối kỳ mới tính được giá xuất kho. Trong tháng, khi phát sinh các chi phí nguyên vật liệu, CCDC,... cho SXKD, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để lập Chứng từ ghi sổ. Kế toán chỉ hạch toán ngày tháng, diễn giải nội dung,... số lượng mà không ghi số tiền. Đến cuối tháng, kế toán mới tiến hành tính giá sau khi kiểm kê và xác định trị giá HTK. Bút toán tính giá được thực hiện trên phần mềm kế toán, và sẽ được tự động cập nhật vào sổ chi tiết và sổ Cái TK 154 – Chi phí SXKD dở dang theo từng ĐDH. Sau đó, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí SXKD sang TK 632 để xác định giá vốn trong kỳ. Khi xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí giá vốn thực tế trong kỳ sang TK 911.

Ví dụ minh họa: Ngày 10/11/2010, Công ty cung cấp dịch vụ về trang trí nội ngoại thất cho NH TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Trị theo ĐDH 025478. Cuối tháng, kế toán xác định giá vốn và phần mềm kế toán ghi nhận vào sổ chi tiết và sổ Cái TK 632 .

**Biểu mẫu 2.6:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/1

01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

Tháng 11 năm 2010

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

**TÀI KHOẢN: 632 – GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Loại	Số			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...
06	KC09	Kết chuyển chi phí giá vốn về trang trí nội ngoại thất cho ĐDH số 025478.	154	69.239.800	
...	...	...	...	...	...

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH QC & TT NNT Mặt Trời)

#### **2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

- Chi phí bán hàng tại Công ty bao gồm chi phí xăng dầu cho việc bán hàng, chi phí phân bổ KHTSCĐ, ...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty bao gồm các khoản chi phí như: chi phí hội họp, chi phí tiếp khách, chi phí điện thoại, chi phí điện nước, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí KH TSCĐ và các chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh, để tập hợp và kết chuyển chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

TK 642 có hai tài khoản cấp 2:

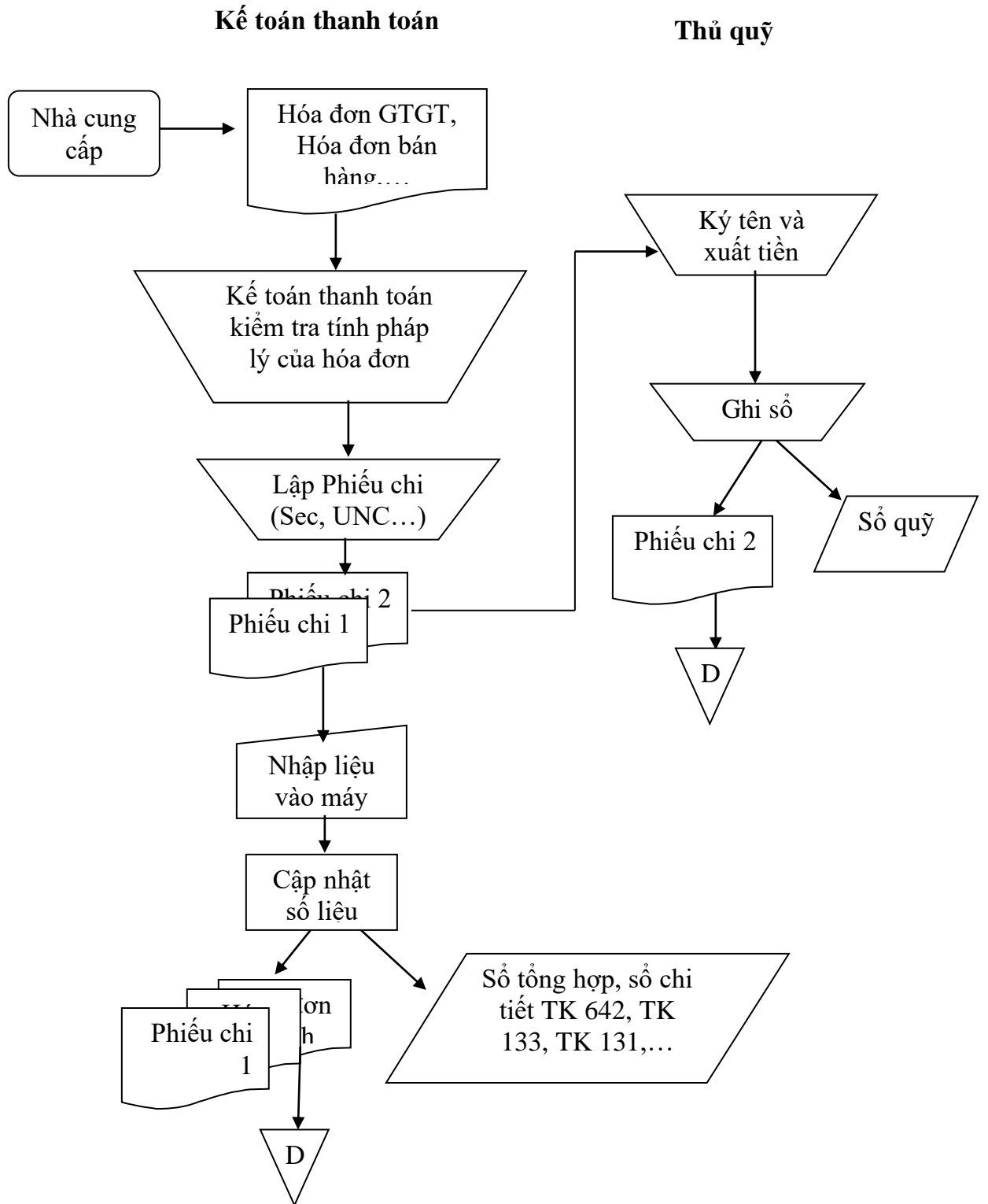
TK 6421– Chi phí bán hàng

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Bảng phân bổ TSCĐ, Bảng phân bổ tiền lương, Hóa đơn GTGT hoặc HĐ báo hàng của nhà cung cấp,...

- Quy trình lập chứng từ, luân chuyển chứng từ và hạch toán doanh thu tại Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.6 :

Khi nhận được hóa đơn thanh toán, Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng,... của nhà cung cấp. Kế toán thanh toán kiểm tra tính pháp lý của hóa đơn, chứng từ. Nếu phù hợp thì tiến hành lập Phiếu chi (Séc, UNC,...) thành 2 liên. Liên 2 chuyển cho Thủ quỹ, liên 1 kế toán làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ và lưu tại phòng. Các số liệu được cập nhật vào các sổ kế toán tổng hợp, sổ chi thể chi tiết có liên quan.



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ luân chuyển chứng từ và hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty



- Quy trình ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (Phiếu chi, giấy báo Nợ,...) hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại, kế toán thanh toán lập chứng từ ghi sổ theo nội dung kinh tế phát sinh, phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ chi tiết TK 642, TK 111, TK 112,... Cuối tháng sẽ được cập nhật vào sổ Cái TK 642, TK 111, TK 112,...

Ví dụ minh họa: Ngày 04/11, căn cứ vào các hóa đơn thanh toán tiền điện tháng 10/2010, hóa đơn lệ phí đi đường kế toán lập Phiếu chi số PC01 thành 2 liên. Liên 2 chuyển cho thủ quỹ, liên 1 làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ, phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ chi tiết TK 6421, TK 6422, TK 111, TK 133. Cuối tháng, số liệu được tự động cập nhật vào sổ Cái TK 6421, TK 6422, TK 111, TK 133.

Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển sang tài khoản TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Biểu mẫu 2.7:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc		Mẫu số: 02 – TT		
01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế				
<b>PHIẾU CHI</b>				
Ngày 04 tháng 11 năm 2010				
(Liên 1)				
<b>Họ tên người nhận tiền:</b> Nguyễn Thị Hoàng Phương				
<b>Địa chỉ:</b> nhân viên				
<b>Lý do chi:</b> thanh toán tiền điện, thanh toán chi phí đi đường...				
<b>Số tiền:</b> 322.223 VND				
<b>Bằng chữ:</b> Ba trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi ba đồng chẵn.				
Kèm theo: hđ 01682737, chứng từ gốc.				
Đã nhận đủ: Hai trăm năm mươi bốn ngàn, bảy trăm bốn tám đồng chẵn				
Ngày 04 tháng 11 năm 2010				
<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Biểu mẫu 2.8:**

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 02

Ngày 04 tháng 11 năm 2011

Trích yếu	Tài khoản ghi Nợ	Tài khoản ghi Có	Số tiền	
			Nợ	Có
...	...	...	...	...
Thanh toán chi phí đi đường	6421	1111	42.000	42.000
Chi tiền thanh toán tiền điện	6422	1111	254.748	254.748
...	...	...	...	...

Kèm theo ... chứng từ gốc.

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Người lập**

(ký, họ tên)

**Biểu mẫu 2.9:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/3

01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

Tháng 11 năm 2010

**SỔ CHI TIẾT**

**TÀI KHOẢN 6421: CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng		Số tiền phát sinh	
Số	Ngày		TK	Ctiết	Nợ	Có
		<b>Tháng 11/2010</b> <i>Dư đầu kỳ</i>				
...	...	.....	...	...	...	
PC02	04/11/2010	Thanh toán chi phí đi đường	1111		42.000	
...	...	..	...	...	...	

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

**Biểu mẫu 2.10:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc Trang: 1/3

01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế Tháng 11 năm 2010

**SỔ CHI TIẾT**

**TÀI KHOẢN 6422: CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng		Số tiền phát sinh	
Số	Ngày		TK	Ctiết	Nợ	Có
		<b>Tháng 11/2010</b> <i>Dư đầu kỳ</i>				
...	...	.....	...	...	...	
PC02	04/11/2010	Thanh toán tiền điện,hđ 01682737	1111		254.748	
...	...	..	...	...	...	

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

**Biểu mẫu 2.11:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/1

01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế Tháng 11 năm 2010

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

**TÀI KHOẢN: 642 2- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Loại	Số			Nợ	Có
02	02	Thanh toán tiền điện,hđ 01682737; thanh toán tiền điện thoại, hđ0051374;.v.v..	111	25.896.485	
...	...	...	...	...	...

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

**2.2.5. Kế toán hoạt động tài chính****➤ Kế toán thu nhập từ hoạt động tài chính**

- Các khoản thu nhập khác tại Công ty thường từ các khoản lãi từ tiền gửi ngân hàng, lợi tức bên mua thanh toán về mua hàng trả chậm,...

- Tài khoản sử dụng: TK 515 – Thu nhập từ hoạt động tài chính

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo Có, Phiếu thu, ...

- Quy trình ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (Phiếu thu,...) hoặc Bảng tổng hợp kế toán cùng loại đã được kiểm tra, kế toán nhập số liệu vào máy tính, phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK 515, sổ Cái TK 515 và các tài khoản có liên quan. Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển sang tài khoản TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tại Công ty các khoản thu nhập tài chính phát sinh rất ít nên kế toán không hạch toán vào tài khoản này mà hạch toán vào TK 711 – Thu nhập khác.

**➤ Kế toán chi phí tài chính**

- Các khoản chi phí tài chính tại Công ty bao gồm các khoản như chi phí lãi vay, chi phí quản lý hoạt động cho thuê tài chính, chi phí chiết khấu thanh toán cho khách hàng, .....

- Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí tài chính

- Chứng từ sử dụng: Phiếu Chi, Giấy báo Nợ, ...

- Quy trình ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (Phiếu chi, ...) hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ, phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ chi tiết TK 635, sổ cái TK 635. Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển sang tài khoản TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong tháng.

Tuy nhiên trong tháng 11/2010, Công ty không có phát sinh khoản chi phí tài chính.

**2.2.6. Kế toán hoạt động khác****➤ Kế toán thu nhập khác**

- Các khoản thu nhập khác tại Công ty thường từ các khoản lãi từ tiền gửi ngân hàng, thu nhập về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, được hoàn thuế, ...

- Tài khoản sử dụng: TK 711 – Thu nhập khác

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo Có, Phiếu thu, Biên bản thanh lý TSCĐ, ...

- Quy trình ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc (Phiếu Thu, Giấy báo Có,...) hoặc Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, kế toán lập Chứng từ ghi sổ trên máy tính phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK 711. Cuối tháng, số liệu sẽ được cập nhật vào sổ Cái TK 711. Cuối quý, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển sang tài khoản TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ minh họa: Ngày 25/11 nhận giấy báo Nợ của ngân hàng Vietcombank về lãi tiền gửi nhập vốn. Kế toán làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 1121: 32.253

Có TK 711: 32.253

**Biểu mẫu 2.12:**

### **CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 07

Ngày 25 tháng 11 năm 2011

Trích yếu	Tài khoản ghi Nợ	Tài khoản ghi Có	Số tiền	
			Nợ	Có
Lãi nhập vốn	1121 VIETCOM	711	32.253	32.253

Kèm theo chứng từ gốc.

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Người lập**

(ký, họ tên)

**Biểu mẫu 2.13:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/1

01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

Tháng 11 năm 2010

**SỔ CHI TIẾT**

**TÀI KHOẢN 711: THU NHẬP KHÁC**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng		Số tiền phát sinh	
Số	Ngày		TK	Chiết	Nợ	Có
		<b>Tháng 11/2010</b> <i>Dư đầu kỳ</i>				
NH17	25/11/2010	Lãi nhập vốn	1121	VIETCOM		32.253
...	...	...	...	...		...
		<b>Cộng phát sinh tháng 11/2010</b>				<b>44.345</b>

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

**Biểu mẫu 2.14:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/1

01 Lê Văn Miến, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

Tháng 11 năm 2010

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

**TÀI KHOẢN: 711 – THU NHẬP KHÁC**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại	Số			Nợ	Có
			<b>Tháng 11/2010</b> <i>Dư đầu kỳ</i>			
30/11/2010	07	07	Lãi nhập vốn	112	44.345	
			<b>Cộng phát sinh trong tháng</b>		<b>10.591.004</b>	
			<b>Lũy kế phát sinh từ đầu năm</b>		<b>10.591.004</b>	<b>10.591.004</b>

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

➤ **Kế toán chi phí khác**

- Các khoản chi phí khác tại Công ty là các khoản chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ, ...

- Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác

- Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Hoá đơn của nhà cung cấp,....

- Quy trình ghi sổ

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc (hoá đơn vận chuyển, hoá đơn thanh toán,...) hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra để lập Chứng từ ghi sổ trên máy tính và phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian, và ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái TK 811. Đồng thời cập nhật vào các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan như sổ kế toán TK 111, TK 112,...

Tuy nhiên trong tháng 11/2010, Công ty không có phát sinh khoản chi phí khác nào.

**2.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN là khoản chi phí mà doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Tài khoản sử dụng: TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chứng từ sử dụng: Tờ khai quyết toán thuế năm, Tờ khai quyết toán thuế TNDN tạm tính, ...

- Quy trình ghi sổ

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế TNDN để ghi nhận số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp vào chi phí thuế TNDN hiện hành.

Kế toán tổng hợp - thuế thực hiện bút toán phân bổ trên phần kế toán. Số liệu sẽ được tự động cập nhật chi phí thuế TNDN trong quý IV/2010 vào sổ chi tiết TK 821. đồng thời được phản ánh vào sổ Cái TK 821.

**Biểu mẫu 2.15:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/1

01 Lê Văn Miên, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

Tháng 12 năm 2010

**SỔ CÁI**

Quý IV năm 2010

**TÀI KHOẢN: 821 - CHI PHÍ THUẾ TNDN**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại	Số			Nợ	Có
			<b>Tháng 11/2010</b> <i>Dư đầu kỳ</i>			
30/12/2010	08	08	PB chi phí thuế TNDN quý IV	333	10.591.004	
			<b>Cộng phát sinh trong tháng</b> <b>Luỹ kế phát sinh từ đầu năm</b> <b>Số dư cuối tháng 11</b>		<b>10.591.004</b> <b>10.591.004</b> <b>10.591.004</b>	

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế TNDN hiện hành tạm thời phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế phải nộp trong năm đó, kế toán ghi nhận số thuế TNDN hiện hành phải nộp thêm vào chi phí thuế TNDN hiện hành. Trong trường hợp số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế TNDN tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

Kết thúc năm, kế toán kết chuyển giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh để xác định KQKD trong năm.

**2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Cuối năm kế toán, kế toán tiến hành các bút toán kết chuyển trên máy để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Kết chuyển các doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, doanh thu tài chính, thu nhập khác, chi phí khác sang tài khoản TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong năm.



- Kết chuyển doanh thu
  - Nợ TK 511: 7.738.382.709
  - Có TK 911: 7.738.382.709
- Kết chuyển giá vốn
  - Nợ TK 911: 6.549.587.797
  - Có TK 632: 6.549.587.797
- Kết chuyển chi phí tài chính
  - Nợ TK 911: 59.524.336
  - Có TK 635: 59.524.336
- Kết chuyển các khoản chi phí quản lý kinh doanh
  - Nợ TK 911: 995.2025.053
  - Có TK 642: 995.2025.053
- Kết chuyển thu nhập khác
  - Nợ TK 711: 1.301.117
  - Có TK 911: 1.301.117
- Kết chuyển thuế TNDN
  - Nợ TK 911: 33.842.410
  - Có TK 821: 33.842.410

Sau đó phần mềm máy tính tự động cập nhật tính số chênh lệch giữa tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong năm lãi hay lỗ.

- Kết chuyển lãi trong kỳ
  - Nợ TK 911: 101.527.230
  - Có TK 421: 101.527.230

Sau khi hoàn tất các bút toán kết chuyển, máy tính tự động nhập vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết và sổ Cái tài khoản TK 911, sổ Cái tài khoản TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối và in ra báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2010.

**Biểu mẫu 2.16:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/1

01 Lê Văn Miên, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

Tháng 12 năm 2010

**SỔ CHI TIẾT**

**TÀI KHOẢN 911: XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đối ứng		Số tiền phát sinh	
Số	Ngày		TK	Ctiết	Nợ	Có
KC 11	31/12/2010	K/C doanh thu	511			7.738.382.709
KC09	31/12/2010	K/C giá vốn	632		6.549.587.797	
...	...	...	...	...		...

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

**Biểu mẫu 2.17:**

Công ty TNHH MTV Trường Phúc

Trang: 1/1

01 Lê Văn Miên, Phường Tây Lộc, Thành phố Huế

Tháng 12 năm 2010

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2010

**TÀI KHOẢN: 911 – XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Loại	Số			Nợ	Có
09	KC11	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	511		7.738.382.709
09	KC09	Kết chuyển giá vốn	632	6.549.587.797	
09	KC10	Kết chuyển chi phí tài chính	635	59.524.336	
09	KC07	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	995.202.053	
09	KC08	Kết chuyển thu nhập khác	711		1.301.117
09	KC06	K/C thu chi phí thuế TNDN	821	33.842.410	
09	KC13	Xác định lãi lỗ	421	101.527.230	
		<b>Cộng phát sinh trong năm</b>		<b>7.739.683.826</b>	<b>7.739.683.826</b>

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH MTV Trường Phúc)

---

### **Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV TRƯỜNG PHÚC**

#### **3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty**

- Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, năng động, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp. Công tác kế toán được tập trung tại Công ty đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất đối với công tác kế toán và việc chỉ đạo, lãnh đạo và kiểm tra kế toán được thống nhất trong toàn công ty. Trong cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, phòng tài chính kế toán được sự lãnh đạo trực tiếp của ban Giám đốc, Công ty phát huy được chức năng tham mưu kịp thời về tình hình kinh tế tài chính của Công ty giúp cho Ban giám Đốc thực hiện hiệu quả việc kiểm tra và chỉ đạo tốt hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như thuận lợi trong việc trang bị máy móc, thiết bị, phương tiện hỗ trợ công tác kế toán.

- Việc áp dụng phần mềm kế toán Misa có tính chất đơn giản, dễ sử dụng. Đã giảm thiểu công việc cho nhân viên kế toán, cùng với trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc của các nhân viên kế toán. Công tác kế toán tại Công ty đạt hiệu quả cao.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán máy dựa trên hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Nhờ đó, công việc của kế toán viên chủ yếu tập trung ở khâu phân loại chứng từ và nhập liệu vào máy tính, xem xét và đối chiếu thông tin kế toán trên các Chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết, sổ tổng hợp.

#### **3.2. Đánh giá về tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

Để đánh giá về công tác tổ chức kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc, tôi xem xét trên các khía cạnh sau:

**3.2.1. Về tổ chức chứng từ**

- Chế độ chứng từ kế toán được Công ty chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ tài chính. Những nội dung bắt buộc trên chứng từ được điền đầy đủ như tên gọi, số hiệu chứng từ; ngày tháng năm lập chứng từ; chữ ký, họ tên của những người liên quan,.... Chứng từ trong Công ty được lưu trữ cẩn thận, gọn gàng và có tính khoa học cao.

- Đối với quy trình luân chuyển chứng từ và trình tự ghi chép các nghiệp vụ bán hàng phát sinh tại Công ty đã khá đầy đủ, ít xảy ra rủi ro: khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chứng từ liên quan được lập (ĐDH, Hoá đơn GTGT,...) và được luân chuyển qua đầy đủ các bộ phận có liên quan, phản ánh kịp thời và chính xác các thông tin kế toán, đảm bảo cho việc kiểm tra, đối chiếu dễ dàng.

**3.2.2. Về tổ chức tài khoản**

- Hệ thống tài khoản được sử dụng khá phù hợp, tuân thủ theo chế kế toán hiện hành và quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính. Việc ứng dụng phần mềm kế toán Misa vào công tác hạch toán kế toán đã giúp ích cho việc mở thêm các tiểu tài khoản, cũng như theo dõi các đối tượng trên các tài khoản rõ ràng và thuận lợi.

- Công ty có mở tài khoản cấp 3 đối với TK 511- Doanh thu từ hoạt động SXKD để hạch doanh thu cho từng hoạt động kinh doanh của công ty. Điều này sẽ thuận lợi cho việc theo dõi, đánh giá kết quả, hiệu quả kinh doanh cho từng hoạt động. Từ đó đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn, phù hợp, hiệu quả hơn.

**3.2.3. Về tổ chức sổ sách, báo cáo kế toán**

- Hệ thống sổ sách của Công ty được thiết lập khá đầy đủ theo đúng hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng cũng như quy định của Bộ tài chính: Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ Cái, các sổ thẻ chi tiết.

- Cuối niên độ kế toán, các sổ sách kế toán, báo cáo tài chính được in ra từ hệ thống phần mềm kế toán và được đóng thành quyển nên đảm bảo tính rõ ràng, chính xác và được kế toán Công ty lưu trữ cẩn thận. Việc lưu trữ tài liệu trên phần mềm kế

toán giúp giảm thiểu lượng sổ sách lưu kho, cũng như dễ dàng truy cập, tìm kiếm thông tin khi có yêu cầu.

- Hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty được thiết lập đầy đủ và đúng theo chế độ kế quy định hiện hành. Bên cạnh đó Công ty còn có các báo cáo quản trị chẳng hạn như báo cáo tiền lương của các bộ phận cũng như toàn công ty, báo cáo chi tiết bán hàng, báo cáo tình hình công nợ khách hàng,...

### **3.2.4. Về quy trình và phương pháp kế toán**

#### **a. Ưu điểm**

- Tại công ty, nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong ngày đều được kế toán hạch toán ngay vào sổ sách kế toán. Vì vậy, thông tin kế toán được phản ánh nhanh chóng, kịp thời, đúng thời gian nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Sau mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ cùng loại để phản ánh đầy đủ vào các sổ kế toán tổng hợp, sổ chi tiết liên quan. Điều này thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu từ đó giúp nhân viên kế toán hạch toán chính xác kết quả kinh doanh hàng ngày và hàng tháng.

#### **b, Hạn chế**

- Khoản phải thu khách hàng của Công ty chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản của công ty, và Công ty cũng có các khoản nợ quá hạn thanh toán, nhưng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo đúng quy định của Bộ tài chính.

- Hàng tháng, Công ty đều thu được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng. Khoản thu nhập này là khoản thu nhập tài chính và phải được phản ánh vào TK 515 – Thu nhập tài chính. Nhưng kế toán tại Công ty lại sử dụng tài khoản TK 711 – Thu nhập khác để hạch toán. Điều này không đúng với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và không phù hợp quy định cũng như chế độ kế toán hiện hành.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, nhưng kế toán không sử dụng TK 631 – Giá thành sản xuất, mà hạch toán vào TK 154 – chi phí sản xuất dở dang. Như vậy không phản ánh đúng với chế độ kế toán hiện hành.

### 3.3. Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trên cơ sở đánh giá công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc ở mục 3.2, tôi đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện các hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu và xác định KQKD tại công ty:

Về quy trình và phương pháp kế toán:

- Cần chú trọng đến việc sử dụng hợp lý các tài khoản theo đúng bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo chế độ, quyết định của Bộ tài chính.

Khi phát sinh thu nhập tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Công ty nên phản ánh khoản thu nhập đó vào TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính, để phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Phương pháp hạch toán:

+ Khi phát sinh nghiệp vụ kinh tế, kế toán căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng, tiến hành lập chứng từ ghi sổ:

#### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:

Ngày ... tháng ... năm ...

Trích yếu	Tài khoản ghi Nợ	Tài khoản ghi Có	Số tiền	
			Nợ	Có
Lãi nhập vốn	1121( <i>chi tiết từng ngân hàng</i> )	515		

Kèm theo ...chứng từ gốc.

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người lập

(ký, họ tên)

Khi lập xong, phần mềm kế toán tự động cập nhật số liệu vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ kế toán chi tiết TK 515, TK 112 và các sổ thẻ liên quan. Cuối tháng, phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ Cái TK 515, TK 112.

+ Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính với bút toán trên phần mềm máy tính:

Nợ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

- Theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán, Công ty phải lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản phải thu đủ điều kiện trích lập dự phòng theo quy định của Bộ tài chính.

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính, Kế toán sử dụng TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi và TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý, để hạch toán.

Phương pháp hạch toán:

Cuối mỗi niên độ kế toán, căn cứ vào tình hình và khả năng thanh toán nợ của khách hàng, kế toán trích dự phòng phải thu khó đòi:

Mức dự phòng cần lập = (Số nợ còn chưa thu) x (Tỷ lệ dự phòng cần lập)

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có Tk 1592 - Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Với tỷ lệ lập dự phòng:

+ 30% giá trị đối với khoản NPT quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;

+ 50% giá trị đối với khoản NPT quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;

+ 70% giá trị đối với khoản NPT quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;

+ 100% giá trị đối với khoản NPT quá hạn từ 3 năm trở lên.

Cuối niên độ tiếp theo, căn cứ vào tình hình và khả năng thanh toán nợ của khách hàng, kế toán tính trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi:

Mức dự phòng lập bổ sung = Mức dự phòng phải lập - Mức dự phòng đã lập

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có Tk 1592 - Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Cuối niên độ tiếp theo sau, căn cứ vào tình hình và khả năng thanh toán nợ của khách hàng, kế toán tính số hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi:

Mức dự phòng được hoàn nhập = Mức dự phòng đã lập - Mức dự phòng phải lập

Nợ TK 1592 - Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Có Tk 711 – thu nhập khác

Khi thực sự phát sinh các khoản nợ khó đòi đã có dự phòng hoặc chưa lập dự phòng ghi:

Nợ TK 1592 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nợ phải thu đã lập dự phòng)

Nợ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nợ phải thu chưa lập dự phòng)

Có Tk 131 - Phải thu khách hàng

Có Tk 138 - Phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý, để tiếp tục theo dõi về sau.

Khi doanh nghiệp nhận lại được tiền khách hàng trong số nợ được xử lý, kế toán ghi theo định khoản:

Nợ TK 111, 112, 331, ...

Nợ TK 133

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004 -Nợ khó đòi đã xử lý

- Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí giá thành sản xuất kinh doanh như xuất nguyên vật liệu, CCDC, lương công nhân sản xuất và các khoản trích theo lương,... kế toán hạch toán các chi phí đó vào TK 631 – Giá thành sản xuất. Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển giá thành sản xuất thực tế phát sinh vào TK 632 – Chi phí giá vốn.

- Công ty nên thường xuyên cập nhật, khuyến khích các nhân viên kế toán tự bồi dưỡng kiến thức, chính sách, chế độ, chuẩn mực kế toán mới một cách nhanh chóng, chủ động. Bên cạnh đó, các nhân viên ở các bộ phận, phòng ban khác trong Công ty cũng phải tiếp cận được những chế độ của kế toán để thực hiện công tác kế toán theo đúng quy định.



---

## **Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **3.1. Kết luận**

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc bằng sự nỗ lực của bản thân cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy cô giáo và các anh chị trong Phòng kế toán tài chính của công ty, tôi đã đi tìm về quá trình hoạt động kinh doanh của công ty, về bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Qua thời gian thực tập cùng những kiến thức về lý thuyết, đề tài của tôi đã đạt được những mặt sau:

- Đề tài đã tổng hợp và hệ thống hóa cơ sở khoa học về tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định KQKD để làm căn cứ nghiên cứu thực tiễn tại đơn vị thực tập.

- Đề tài đã khái quát được những nét đặc trưng về Công ty TNHH MTV Trường Phúc tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định KQKD tại công ty.

- Đề tài đã đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu trong công tác kế toán doanh thu và xác định KQKD tại công ty, kết hợp với những kiến thức được học và tìm hiểu đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định KQKD tại Công ty.

Nhìn chung, đề tài đã hoàn thành được các mục tiêu đề ra, tuy nhiên do giới hạn về thời gian thực tập cũng như lượng kiến thức tích lũy chưa nhiều nên đề tài vẫn còn một số hạn chế như:

- Chưa tiếp cận được đầy đủ các sổ sách, số liệu, chứng từ của về phân hành kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

- Đề tài chỉ mới nghiên cứu số liệu của một tháng trong năm 2010, không có số liệu của các thời gian khác trong năm để có thể so sánh và đưa ra những giải pháp chính xác và thiết thực hơn.

### **3.2. Kiến nghị**

Sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Trường Phúc tôi đã đạt được những mục tiêu đạt ra. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian thực tập cũng như kiến thức hạn chế của bản thân nên khi thực hiện đề tài này còn có nhiều hạn chế như: chưa tìm

hiểu được công tác kế toán thuế GTGT, phương thức kế toán thuế và các thủ tục, trình tự, báo cáo quyết toán thuế, khoá luận cũng chỉ mới khái quát về tình hình sử dụng các phần mềm trong Công ty mà chưa đi sâu vào nghiên cứu quá trình xử lý trong phần mềm; do cơ hội tiếp cận sổ sách, quy trình kế toán tại Công ty còn hạn chế; các đánh giá, đề xuất trình bày trong khoá luận còn là quan điểm mang tính chất chủ quan của cá nhân tôi. Do đó chỉ mang tính chất tham khảo, chưa thật sự đầy đủ. Từ những hạn chế trên đây, đề tài khoá luận này có thể phát triển theo hướng nghiên cứu sâu hơn và chú trọng thông tin kế toán trên phần mềm kế toán.

---

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính, 2006, *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành*.
  2. Bộ tài chính, *Quyết định 15/2006/QĐ-BTC* ngày 20/03/2006.
  3. Bộ tài chính, *Quyết định 48/2006/QĐ-BTC* ngày 14/09/2006.
  4. GS – TS. Ngô Thế Chi, *Giáo trình kế toán tài chính*, Học viện tài chính (2008).
  5. Một số trang web:  
[www.google.com.vn](http://www.google.com.vn)  
[www.tapchiketoan.com](http://www.tapchiketoan.com)  
[www.webketoan.com](http://www.webketoan.com)
  6. Và một số tài liệu khác.
-